**ĐÂY LÀ GA CỦA NHÓM GV Ở NAM ĐỊNH. TRONG GA CỦA TỪNG THẦY CÔ ĐÃ ĐƯỢC ẨN THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA CHÍNH THẦY CÔ (CẢ WORD VÀ PPT). TRƯỚC KHI GỬI GA, TÔI ĐÃ TRỰC TIẾP GỌI CHO THẦY CÔ, TOÀN BỘ NỘI DUNG CUỘC GỌI ĐỀU ĐÃ ĐƯỢC GHI ÂM LÀM BẰNG CHỨNG. THẦY CÔ ĐÃ CAM KẾT VỚI CHÚNG TÔI LÀ CHỈ DÙNG CÁ NHÂN THÌ THẦY CÔ HOÀN TOÀN CHỊU TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CHO CHÚNG TÔI ÍT NHẤT TỪ 50 -70 TRIỆU NẾU THẦY CÔ ĐỂ BỘ GA BỊ CHIA SẺ LÊN CÁC NHÓM.**

|  |  |
| --- | --- |
|  **BÀI 5:** *Ngày soạn ..................**Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP****TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN** |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 5: **Tích trò sân khấu dân gian**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản được học.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

**- HS viết được** báo cáo nghiên cứu, có sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

- **HS biết** trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề; **biết** lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu.

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực đặc thù*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ trân trọng đối với những di sản nghệ thuật quý báu mà ông cha truyền lại.

- Có ý thức ôn tập chăm chỉ, trách nhiệm với nhiệm vụ học tập.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu:**

 - Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1.

 - Tài liệu ôn tập bài học, sách bài tập, tài liệu trên mạng Internet,...

**2. Thiết bị và phương tiện:**

 - Sưu tầm tư liệu có liên quan đến bài học.

 - Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

 **C. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

 **- Phương pháp**: Thảo luận nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

 **- Kĩ thuật**: Động não, chia nhóm, đặt câu hỏi, viết tích cực,...

**D. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP THEO CHỦ ĐỀ**

Nguyễn Thị Giang. 0906063151 THPT Toàn Thắng, Hải Phòng

**BUỔI 1**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

 **Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 5 buổi sáng:**

**Nhóm 1: Nhà nghiên cứu sân khấu dân gian**

- HS trình bày kết quả tìm kiếm từ Internet hoặc tìm trong sách, báo, trong đời sống

**Nhóm 2: Nghệ sĩ chèo cổ/tuồng cổ/rối nước**

HS thực hiện sân khấu hóa một số vở chèo cổ/tuồng cổ/rối nước

**Nhóm 3: Hội những người phục cổ**

HS thiết kế trang phục cổ, tạo những mẫu vật sân khấu cổ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm lần lượt thể hiện sản phẩm

- GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn sau khi nhóm bạn thực hiện xong.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

**-** GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 5: **Tích trò sân khấu dân gian**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:** *VB 1: Xúy Vân giả dại* – Trích chèo *Kim Nham**VB 2: Huyện đường –* Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* |
| **Thực hành đọc hiểu:***Hồn thiêng đưa đường –* Trích tuồng *Sơn Hậu* |
| **Viết** | **Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam) |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** Lắng nghe và phản hồi về một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu  |

**HOẠT ĐỘNG 2 ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của Bài 5: Tích trò sân khấu dân gian

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

 **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV, các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 5.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

 GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ SÂN KHẤU CHÈO/TUỒNG**

**Câu hỏi:** Điền khuyết:

**Câu 1:** Chèo cổ (còn gọi là…) nguyên là một loại hình kịch hát, múa dân gian, kể chuyện, diễn kịch bằng hình thức sân khấu.

A. chèo sân đình/chèo truyền thống

B. chèo sân đình

C. chèo truyền thống

D. chèo dân tộc

**(Đáp án A)**

**Câu 2:** Về nguồn gốc: Hình thức sơ khai của chèo với tư cách là nghệ thuật biểu diễn đã xuất hiện từ…, ở…, Việt Nam – cái nôi của nền văn minh lúa nước.

A. khoảng thế kỉ X; ở vùng châu thổ Bắc Bộ

B. khoảng thế kỉ X; ở vùng châu thổ Nam Bộ

C. khoảng thế kỉ XII; ở vùng trung du Bắc Bộ

D. khoảng thế kỉ X; ở vùng Nam Trung Bộ

**(Đáp án A)**

**Câu 3:** Đặc trưng của nghệ thuật chèo cổ về mặt nội dung tư tưởng:

Phản ánh… của con người trong xã hội phong kiến.

Ca ngợi những… của con người.

Phê phán… trong xã hội.

Thể hiện sâu sắc...

A. đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm; phẩm chất đạo đức tốt đẹp; các thói hư tật xấu; tinh thần nhân văn

B. tinh thần nhân văn; đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm; phẩm chất đạo đức tốt đẹp; các thói hư tật xấu

C. các thói hư tật xấu; đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm; phẩm chất đạo đức tốt đẹp; tinh thần nhân văn

D. phẩm chất đạo đức tốt đẹp; đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm; các thói hư tật xấu; tinh thần nhân văn

**(Đáp án A)**

**Câu 4:** . … là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của vở chèo, làm điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vẫn để ngỏ khả năng thêm thắt, bổ sung cho diễn viên; có nhiều dị bản là một sáng tạo mang tính tập thể.

A. Tích trò

B. Cốt truyện

C. Tình huống truyện

D. Xung đột kịch

**(Đáp án A)**

**Câu 5:** Tích chèo thường được xây dựng dựa vào…, thể hiện các đề tài sinh hoạt, đạo đức gần gũi với khán giả bình dân.

A. truyện cổ tích hay truyện thơ Nôm

B. truyện truyền thuyết hay truyện thần thoại

C. truyện ngụ ngôn hay truyện cười dân gian

D. truyện truyện cười dân gian hay truyện thần thoại

**(Đáp án A)**

**Câu 6:**  Nhân vật của chèo không xa lạ với đời sống thường ngày của người dân lao động xưa, gồm…: có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Xét theo…, nhân vật chèo được phân thành hai loại chính: … (tích cực) và… (tiêu cực). Mỗi loại nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số.... Gây được ấn tượng mạnh nhất trong các vở chèo thường là… và…

A. nhiều hạng người trong xã hội; tính cách; tính cách; vai chín; vai lệch; vai hề; làn điệu hát và động tác múa đặc trưng; vai nữ

B. nhiều hạng người trong xã hội; tính cách; vai chín; vai lệch; làn điệu hát và động tác múa đặc trưng; vai nữ; vai hề

C. nhiều hạng người trong xã hội;; tính cách; vai nữ; vai hề; làn điệu hát và động tác múa đặc trưng; vai nữ; vai hề

D. nhiều hạng người trong xã hội; làn điệu hát và động tác múa đặc trưng; vai chín; vai lệch; tính cách; vai chín; vai lệch

**(Đáp án B)**

**Câu 7:** Tuồng là loại kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh ở …

A. triều Lê, ở vùng Nam Bộ.

B. triều Trần, ở vùng Bắc Bộ.

C. triều Nguyễn, ở vùng Bắc Trung Bộ.

D. triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ.

**(Đáp án D)**

**Câu 8:** Đây là bộ môn nghệ thuật tổng hợp có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa…

A. ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo và hội hoạ

B. âm nhạc, vũ đạo, hội hoạ và các trò diễn dân gian

C. ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, hội hoạ và các trò diễn dân gian

D. ngôn từ và các trò diễn dân gian

**(Đáp án C)**

**Câu 9:** Về nội dung tư tưởng:

… ca ngợi đạo lí vua tôi, lòng yêu nước, khát vọng đánh giặc bảo vệ đất nước, bảo vệ triều đình.

+ … phản ánh hiện thực xã hội gắn với cuộc sống sinh hoạt của nhân dân lao động, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.

A. Tuồng cung đình; Tuồng hài

B. Tuồng bác học; Tuồng bình dân

C. Tuồng phong kiến; Tuồng dân gian

D. Tuồng cung đình; Tuồng dân gian

**(Đáp án A)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:**

*Vai hề đóng vai trò quan trọng trong các vở chèo vì trào lộng là một đặc trưng của loại hình nghệ thuật này, tương tự như sân khấu cổ truyền các nước Đông Nam Á khác. Hề cốt mua vui cho khán giả, nhất là trong các vở có cảnh buồn. Theo quan niệm sân khấu của Sếch-xpia (Shakespeare), đời là sự pha trộn của hạnh phúc và khổ đau. Trong chèo, vai hề và các cảnh vui cười là dịp để cho người dân đả kích những thói hư, tật xấu của xã hội phong kiến, kể cả vua quan, những người có quyền, có của trong xóm làng. Hề chèo được phép chế nhạo thoải mái cũng như những anh hề trong cung điện của vua chúa châu Âu. [...]*

*Có hai loại nhân vật trào phúng trong chèo: loại chính là hề, bao gồm hề mồi (hề nhảy múa không dùng gậy) và hề gậy (hề nhảy múa với gậy), thường là người hầu. Loại thứ hai có thể xuất hiện trong nhiều vai khác nhau, chẳng hạn như thầy bói, cô đồng, lão say, xã trưởng. Đôi khi những nhân vật này gây ra tiếng cười không liên quan trực tiếp đến vở diễn, vì hề (hay thầy bói, lão say,...) có thể bình luận về các nhân vật, về xã hội nói chung.*

(Hữu Ngọc, Lady Borton (Chủ biên), ***Chèo***(Popular theatre),

NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 21- 22)

**[Câu 1:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-1-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)**[Thông tin chính mà đoạn trích đưa lại là gì?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-1-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

**[Câu 2:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-2-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)**[Đặc điểm, tính chất, ý nghĩa nào của vai hề trên sân khấu chèo đã được nói đến trong đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-2-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

**[Câu 3:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)**[Khi nói về vai hề trên sân khấu chèo truyền thống của Việt Nam, tác giả đã mở rộng sự liên hệ, so sánh như thế nào? Sự liên hệ, so sánh ấy có ý nghĩa gì? (Lưu ý: đoạn trích lấy từ một cuốn sách song ngữ Việt - Anh, hướng tới cả độc giả nước ngoài).](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

**[Câu 4:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-4-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)**[Có nhiều phân cảnh trong các vở chèo cổ được biểu diễn trên sân khấu như một tác phẩm độc lập: Xã trưởng - Mẹ Đốp, Lão Say, Cu Sứt, Thầy bói đi chợ,... Người xem có thể thưởng thức trọn vẹn cái hay của chúng mà không cần nắm được toàn bộ tích trò (tích truyện) của vở diễn. Hiện tượng này liên quan đến nhận định nào trong đoạn trích trên? Vì sao em xác định như vậy?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-4-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

**[Câu 5:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-5-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)**[Anh/chị có thêm cảm nhận gì về sân khấu chèo truyền thống sau khi đọc đoạn trích?](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-5-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

**Câu 6:** Viết đoạn văn 7 – 10 dòng thể hiện cảm nghĩ của anh/chị về một nhân vật chèo mà anh/chị yêu thích

**Gợi ý:**

[**Câu 1:** Thông tin chính mà đoạn trích đưa lại là](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-1-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp):

Đoạn trích đưa đến thông tin về vai hề và các loại nhân vật trào phúng trong nghệ thuật chèo.

[**Câu 2:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-2-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)Những đặc điểm, tính chất, ý nghĩa của vai hề trên sân khấu chèo đã được nói đến trong đoạn trích:

- Vai hề bao gồm “hề mồi (hề nhảy múa không dùng gậy)” và “hề gậy (hề nhảy múa với gậy), thường là người hầu”.

- Vai hề gắn với tiếng cười, góp phần tạo nên những cung bậc cảm xúc đa dạng trong vở chèo và ở người xem chèo.

- Vai hề châm biếm, đả kích những thói hư tật xấu tồn tại ở nhiều tầng lớp trong xã hội phong kiến, đặc biệt là tầng lớp cai trị, góp phần tạo nên tính hiện thực của vở chèo.

[**Câu 3:**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)Khi nói về vai hề trên sân khấu chèo truyền thống của Việt Nam, tác giả đã mở rộng sự liên hệ, so sánh với sân khấu cổ truyền của các nước Đông Nam Á, với những trò diễn hề trong cung điện của vua chúa châu Âu. Sự liên hệ, so sánh ấy cho thấy nét tương đồng của nghệ thuật sân khấu ở những nền văn hoá khác nhau, từ đó ngầm khẳng định rằng chèo không phải là một loại nghệ thuật dị biệt và chèo hoàn toàn có thể tìm được sự đồng cảm của người xem ngoại quốc (hoàn toàn có thể nói điều này nếu xét mục đích xuất bản cuốn sách song ngữ Chèo, như thông tin chứa đựng trong câu hỏi cho biết).

[**Câu 4 :**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-4-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

Có nhiều phân cảnh trong các vở chèo cổ được biểu diễn trên sân khấu như một tác phẩm độc lập: Xã trưởng - Mẹ Đốp, Lão Say, Cu Sứt, Thầy bói đi chợ,... Người xem có thể thưởng thức trọn vẹn cái hay của chúng mà không cần nắm được toàn bộ tích trò (tích truyện) của vở diễn. Hiện tượng này liên quan đến nhận định sau đây trong đoạn trích: “Đôi khi những nhân vật này gây ra tiếng cười không liên quan trực tiếp đến vở diễn, vì hề (hay thầy bói, lão say,...) có thể bình luận về các nhân vật, về xã hội nói chung“ Có thể xác định như vậy là vì trong câu dẫn trên, tác giả đã dùng cụm từ “không liên quan trực tiếp đến vở diễn”. Một khi trong vở chèo có những nội dung hay những cảnh, màn, lớp đi chệch khỏi cốt truyện chung của tích chèo thì kịch bản chèo có thể được thu gọn lại và các cảnh, màn, lớp nói trên có đủ tư cách tồn tại như những tiểu phẩm độc lập.

[**Câu 5: Cảm nhận về sân khấu chèo truyền thống sau khi đọc đoạn trích**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-5-trang-28-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi.jsp)

- Trả lời câu hỏi này theo cảm nhận chân thật nhất của mình về sân khấu chèo.

- Cần lưu ý: nội dung chèo rất gần gũi với cuộc sống của người bình dân xưa và trong chèo có nhiều loại vai được diễn theo các quy ước khác nhau, với những đạo cụ đặc trưng cho mỗi vai.

**Câu 6: Viết đoạn văn 7 – 10 dòng thể hiện cảm nghĩ về một nhân vật chèo yêu thích**

Yêu cầu:

- Hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn 7 – 10 dòng

- Nội dung: Cảm nghĩ về một nhân vật chèo yêu thích

+ Hình dáng

+ Tính cách

+ Điệu bộ, cử chỉ

+ Lời nói

+ Khát vọng của dân gian gửi qua nhân vật

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật

**Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:**

*Không giống tuồng chỉ ca tụng hành động anh hùng của các giới quyền quý, chèo còn miêu tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn. Nhiều vở chèo còn thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác.*

*Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm, được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Trong chèo, cái thiện luôn thắng cái ác, các sỹ tử tốt bụng, hiền lành, luôn đỗ đạt, làm quan còn người vợ thì tiết nghĩa, cuối cùng sẽ được đoàn tụ với chồng. Các tích trò chủ yếu lấy từ* *truyện cổ tích, truyện Nôm; ca vũ nhạc từ dân ca dân vũ; lời thơ chủ yếu là thơ dân gian.*

(***Sức sống của chèo cổ*** - Diên Khánh, Báo CAND, Chuyên mục [Văn hóa - Thể thao](https://cand.com.vn/van-hoa/), Số ra ngày 10/02/2011)

**Câu 1:** Nêu sự khác biệt giữa chèo và tuồng.

**Câu 2:** Kể tên một số loại nhân vật xuất hiện trong chèo cổ.

**Câu 3:** Câu văn “Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm” chỉ khái niệm nào?

**Câu 4**: Nhận xét về kết thúc của các vở chèo cổ.

**Câu 5:** Anh/chị biếtvở chèo nào thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác?

**Câu 6:** Anh/ chị viết đoạn văn (7 – 10 dòng) nêu cảm nhận của cá nhân về chèo cổ.

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Sự khác biệt giữa chèo và tuồng: tuồng chỉ ca tụng hành động anh hùng của các giới quyền quý, chèo còn miêu tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn

**Câu 2:** Một số loại nhân vật xuất hiện trong chèo cổ**:** người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác; các sỹ tử tốt bụng, hiền lành; người vợ tiết nghĩa

**Câu 3:** Câu văn “Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm” chỉ khái niệm tích trò hay tích chèo cổ

**Câu 4**: Nhận xét về kết thúc của các vở chèo cổ:

- Cái thiện luôn thắng cái ác

- Giống như kết thúc của truyện cổ tích, truyện Nôm

- Đó chính là ước mơ, là khát vọng chính đáng của những kiếp đời lao khổ xưa

**Câu 5:** Một sốvở chèo thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác: Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình – Dương Lễ

**Câu 6:** Viết đoạn văn (7 – 10 dòng) nêu cảm nhận cá nhân về chèo cổ:

- Hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn 7 – 10 dòng

- Nội dung: Cảm nhận cá nhân về chèo cổ

+ Thực trạng: Nhiều thể loại âm nhạc hiện đại ra đời, có sự trợ giúp đắc lực từ công nghệ thông tin, tạo sức hút với giới trẻ

+ Cảm xúc cá nhân: Vẫn dành cho chèo tình cảm đặc biệt

+ Nguyên nhân:

Chèo mang vẻ đẹp riêng, là sự kết hòa diễn xuất, âm nhạc, vũ đạo, ngôn từ

Chèo chứa chở điệu hồn dân tộc, là kết tinh văn hóa cổ truyền, mang theo giá trị hiện thực và nhân văn sâu sắc

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 1:** **“XÚY VÂN GIẢ DẠI” (TRÍCH CHÈO “KIM NHAM”)** |

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Vở chèo *Kim Nham***

**a. Vị trí**

 ***Kim Nham*** là một trong số các vở [chèo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A8o) cổ kinh điển của nghệ thuật sân khấu chèo [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hội tụ được những tinh hoa của nghệ thuật chèo, vừa giàu tính bi kịch, vừa đầy tiếng cười hài hước, có những lớp, những màn hết sức đặc sắc, gắn liền với tài năng biểu diễn của các nghệ sĩ qua nhiều thời.

**b. Nội dung chính**

- Nêu cao bài học đạo lí khi thể hiện quan hệ gia đình, vợ chồng.

- Đồng thời cũng bộc lộ sự cảm thông với thân phận người phụ nữ trong xã hội nam quyền xưa.

**c. Tóm tắt** (SGK/Tr127)

Kim Nham là một nho sinh, trọ học ở Tràng An. Sau khi kết duyên với Xúy Vân, chàng tiếp tục lên kinh miệt mài đèn sách đợi khoa thi, để Xúy Vân sống trong cảnh cô đơn, buồn bã. Ở quê, Xúy Vân bị gã Trần Phương tán tỉnh, hứa hẹn ngon ngọt. Nàng giả điên với hi vọng thoát khỏi Kim Nham để theo Trần Phương. Sau những cố gắng chạy chữa cho vợ không thành, Kim Nham đành phải để cho nàng được tự do. Xúy Vân tìm đến Trần Phương nhưng bị hắn trở mặt, quay lưng. Từ chỗ giả điên, Xúy Vân đã hóa điên thật.

**2. Đoạn trích “Xúy Vân giả dại”**

**a. Bối cảnh của** **đoạn trích:** Xuý Vân có cuộc sống hôn nhân sắp đặt bởi cha mẹ. Sống bên người chồng là Kim Nham chỉ mải mê đèn sách, Xuý Vân không tìm thấy hạnh phúc. Khi chồng xa nhà ôn thi, nàng bị Trần Phương dụ dỗ. Nghe lời nhân tình, Xuý Vân giả điên dại để Kim Nham buộc phải trả nàng về nhà, để có thể đi theo Trần Phương.

**b. Diễn biến của sự việc Xúy Vân giả dại** (bị Trần Phương lừa gạt, xui giả điên để từ bỏ chồng): Xuý Vân gọi chờ đò - xưng danh - hát điệu con gà rừng - Xuý Vân than thân - Xuý Vân hát ngược.

**c. Nhân vật chính được xây dựng qua các phương diện:**

+ Ngôn ngữ: qua tiếng gọi đò, lời hát điệu con gà rừng, trong lời than, lời hát ngược.

+ Hành động: múa, hát, xưng danh, vừa múa hát vừa cười điên dại.

+ Tâm trạng: đan xen nhiều cung bậc: đau khổ trước tình duyên bẽ bàng; thấy lạc lõng, cô đơn, uất ức không thể chia sẻ cùng ai khi ở gia đình chồng; đối lập giữa ước mơ về hạnh phúc giản dị với thực tại bị chồng xao nhãng, bỏ bê khi mải đèn sách; chịu áp lực từ nhiều phía,…

**d. Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, sinh động với lời nói, lời hát,…

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, đặc biệt là qua diễn biến tâm trạng.

- Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế.

 - Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu.

**e. Nội dung**

*-* Dựng lên chân dung nhân vật Xúy Vân đầy bi kịch, qua đó phản ánh số phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Lên án xã hội phong kiến xưa, đồng thời đòi quyền được hưởng hạnh phúc cho người phụ nữ.

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1. Giá trị nhân văn của vở chèo *Kim Nham* thể hiện qua hình tượng nhân vật Xúy Vân là**

A. xây dựng hình ảnh lí tưởng về người phụ nữ theo quan niệm đạo đức Nho giáo.

B. khẳng định và ngợi ca tình nghĩa vợ chồng thủy chung son sắt.

C. phản ánh chân thực và xúc động hậu quả của chế độ hôn nhân ép buộc dưới thời phong kiến.

D. ca ngợi tình yêu tự do, khát khao hạnh phúc chính đáng của con người.

**Câu 2. Bi kịch của nhân vật Xúy Vân trong vở chèo *Kim Nham* là**

A. đã nghe lời dụ dỗ, lường gạt của Trần Phương nên đã đánh mất gia đình, hạnh phúc.

B. bị cha ép gả cho nên phải chung sống suốt đời với người mình không yêu.

C. khao khát tình yêu, hôn nhân tự do, hạnh phúc gia đình giản dị, chính đáng mà không thể thực hiện được phải nhận lấy kết cái chết tủi nhục và đau đớn.

D. từ việc giả điên để được tự do đi theo người mình yêu đến hóa điên thực sự khi bị người yêu phụ bạc, cuối cùng nàng phải chọn lấy cái chết đau đớn.

**Câu 3. Câu "Tôi kêu đò, đò nọ không thưa - Tôi càng chờ đợi, càng trưa chuyến đò" trong vở chèo *Kim Nham* thể hiện**

A. sự chờ đợi mòn mỏi, vô hy vọng của Xúy Vân.

B. nỗi nhớ nhung da diết của Xúy Vân với người chồng lâu ngày xa cách.

C. thái độ cam chịu, đầu hàng trước số phận éo le của Xúy Vân.

D. thái độ tức giận, phủ định quyết liệt đối với những hủ tục trong chế độ hôn nhân phong kiến.

**Câu 4. Cách nói "Tôi càng chờ đợi, càng trưa chuyến đò" trong vở chèo *Kim Nham* cho thấy Xúy Vân đã**

A. cảm nhận được thời gian, tuổi trẻ qua mau mà chưa được hưởng hạnh phúc.

B. không còn giữ được tình cảm và lòng thủy chung đối với chồng.

C. chán ghét cuộc sống chung gia đình và muốn được "giải phóng".

D. cố gắng làm tròn bổn phận làm vợ, làm dâu nhưng không được gia đình chồng đón nhận.

**Câu 5. Trong vở chèo *Kim Nham*, lí do Xúy Vân giả dại là**

A. để được Kim Nham quan tâm, chăm sóc.

B. để Kim Nham từ hôn và đến với Trần Phương.

C. để thử thách tình yêu và lòng chung thủy của Kim Nham.

D. để Trần Phương không đeo đuổi tán tỉnh nàng.

**Câu 6. Ở đoạn *Hát điệu con gà rừng* trong vở chèo *Kim Nham*, câu "Chờ cho bông lúa chín vàng - Để anh đi gặt, để nàng mang cơm" thể hiện**

A. ước mơ giản dị của Xúy Vân về một cuộc sống gia đình hạnh phúc, đoàn tụ sum vầy.

B. nỗi chờ mong của Xúy Vân đến mùa lúa chín để vợ chồng có dịp gặp lại nhau.

C. niềm mong mỏi của Xúy Vân muốn có cơ hội để thể hiện sự yêu thương chăm sóc đối với chồng.

D. niềm hy vọng của Xúy Vân về một vụ mùa bội thu, cuộc sống đủ đầy hạnh phúc.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| **D** | **C** | **A** | **A** | **B** | **A** |

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**ĐỌC HIỂU VB NGOÀI SGK**

**Đề số 01: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

LƯU BÌNH: Châu tiểu thơ ơi! Lời hẹn năm xưa bây giờ nàng có nhớ, Lưu Bình tôi đã danh đề bảng hổ, Có xứng được cùng ai kết nghĩa châu trần.......?

LƯU BÌNH: Ủa sao lạ này! Sao bụi bám khung tơ nhện bủa loan phòng. Tình mà ơn, tình mà nghĩa, Nàng đi rồi ta cô độc trên đỉnh công danh. Suốt cuộc đời Lưu Bình này làm sao ta tìm gặp Châu Long? Còn Dương Lễ! Dương Lễ. Lễ ơi! Ta sẽ gặp mi tại công giữ môn, Ta sẽ mắng vào mặt mi cho hả giận.

Đối với ta có khó gì giải thám Hoa hay bảng nhãn, Học hay không là do chí của Lưu Bình!

LƯU BÌNH: Dừng kiệu lại đây!... Dương Lễ! ..Dương Lễ đâu rồi?

DƯƠNG LỄ: chào Lưu hiền huynh!

LƯU BÌNH: Còn ai, ai ngồi với ngươi đó?

DƯƠNG LỄ: Kinh hiền huynh, tiện nội là ..Châu Long!

LƯU BÌNH: Hả! Châu tiểu thơ! Châu tiểu... thơ!

CHÂU LONG: Thưa hiền huynh, thiếp đích đích thị là Châu Long, Vâng lệnh chồng lo cho hiền huynh ăn học. Hiền huynh có nhớ trong khi gần gũi, Thiếp thường khuyên.. sớm khuyên trưa, Chàng chưa thi đỗ thì chưa động phòng. ...

LƯU BÌNH: Thôi ta đã hiểu rồi Lưu Bình xin đê đầu bái tạ thâm tình của Dương Lễ và Đại nghĩa của Châu Long. Cho đến giây khắc sau cùng ta vẫn là hòn sỏi nhỏ nằm bên cạnh non cao.

(Trích ***Lưu Bình – Dương Lễ***, Tuyển tập chèo cổ, Hà Văn Cầu sưu tầm và chú thích, NXB Sân khấu, 1999)

**Câu 1:** Nêu tình thế của Lưu Bình trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trước khi gặp lại Châu Long tâm trạng Lưu Bình ra sao?

**Câu 3:** Sau khi gặp lại Châu Long, thái độ Lưu Bình đã thay đổi như thế nào?

**Câu 4:** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Dương Lễ: “Cho đến giây khắc sau cùng ta vẫn là hòn sỏi nhỏ nằm bên cạnh non cao.”

**Câu 5:** Anh/chị có đồng tình với cách giúp bạn của Dương Lễ không?

**Câu 6:** Viết đoạn văn (7 – 10 dòng) nêu suy nghĩ của anh/chị về tình bạn.

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Nêu tình thế của Lưu Bình trong đoạn trích

Đỗ làm quan, tìm lại Châu Long muốn kết duyên Châu Trần nhưng lại nhận ra nàng chính là vợ Dương Lễ

**Câu 2:** Trước khi gặp lại Châu Long tâm trạng Lưu Bình

- Khao khát được kết duyên Châu Trần cùng Châu Long

- Căm phẫn, muốn mắng vào mặt Dương Lễ cho hả giận.

**Câu 3:** Sau khi gặp lại Châu Long, thái độ Lưu Bình đã thay đổi

- Hiểu ra sự tình

- Biết ơn thâm tình của Dương Lễ và đại nghĩa của Châu Long

**Câu 4:** Câu nói của Dương Lễ: “Cho đến giây khắc sau cùng ta vẫn là hòn sỏi nhỏ nằm bên cạnh non cao.” có thể được hiểu như sau:

- Dù vừa tự mãn về bản thân nhưng giờ đây Lưu Bình lại đã tự thấy xấu hổ vì cái nhìn thiển cận, hẹp hòi của mình mà không hiểu tấm chân tình mà Dương Lễ dành cho mình, và cũng không hay trái tim thủy chung của Châu Long dành cho lang quân nên mới giúp mình

**Câu 5:** Bày tỏ quan điểm về cách giúp bạn của Dương Lễ:

- Theo quan niệm phong kiến xưa: nghĩa huynh đệ được coi trọng; người phụ nữ sẵn sàng làm theo ý chồng; người nữ và người nam thụ thụ bất thân => Chính những yếu tố đó khiến Châu Long có thể hoàn thành tâm nguyện giúp bạn của chồng. Việc làm của Dương Lễ và Châu Long đáng được ngợi ca trong xã hội xưa, vì đã đảm bảo vẹn toàn tình huynh đệ, đạo vợ chồng

- Tuy nhiên, trong thời đại này nó đã không còn phù hợp bởi thời đại khác, quan niệm khác,...

**Câu 6:** Viết đoạn văn (7 – 10 dòng) nêu suy nghĩ về tình bạn

- Hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn 7 – 10 dòng

- Nội dung:

+ Tình bạn thời nào cũng đáng quý, đáng trọng

+ Tình bạn giúp người ta có thêm sức mạnh để vượt qua giông bão cuộc đời: Bạn đồng hành cùng ta, chung lí tưởng với ta, sẻ chia mọi nỗi niềm tâm sự, san sẻ những khó khăn vật chất, tinh thần với ta,…

**Đề số 02: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Nàng Thiệt Thê* cũng như một số vở chèo được Nhà hát Chèo Việt Nam phục dựng lại như Xúy Vân, Lưu Bình Dương Lễ… chỉ cần thay đổi một vài tình tiết thì vở diễn đã được nâng tầm thêm giá trị tư tưởng, nhân văn cho tác phẩm. Vở *Nàng Thiệt Thê* viết lại từ tích chèo cổ *Chu Mãi Thần*. Tác giả Lương Tử Đức dựa trên ý đồ cũng như dàn dựng của GS Trần Bảng đã dụng công xây dựng nhân vật Chu Mãi Thần như là hiện thân của một nhân vật nho sinh đẹp nhất trong chèo cổ, quyết vượt lên mọi khó khăn để đạt được mục đích của mình về sự học, Chu Mãi Thần còn xử sự “đúng như một người quân tử”. Bát thuốc ân tình mà chàng sắc cho Thiệt Thê sau lần gặp lại đã khiến nhiều khán giả rơi nước mắt. Nhân vật Thiệt Thê trong vở diễn được khắc họa một cách nông nổi, đứng núi này trông núi nọ, vì ham muốn vật chất tầm thường trước mắt nên đã phải trả giá cho những sai lầm… Thay vì kêu gào, xoắn xít nhận chồng thì nàng Thiệt Thê lại cảm thấy ân hận, xấu hổ, trốn tránh và không dám nhận chén thuốc ân tình mà chồng cũ đưa cho…

Trong vở *Nàng Thiệt Thê* mới này, ê kíp sáng tạo đã tạo được những ấn tượng mới lạ khi triển khai làn điệu chèo kết hợp với âm nhạc dân gian miền Trung, đặc biệt là nét Vỉa Huế đầy ấn tượng. Nghệ thuật cách điệu, tính trào lộng được thấm đẫm ở các nhân vật, các tình huống của cốt truyện tạo nên sự cuốn hút cho người xem.

Rõ ràng những câu chuyện “tham vàng bỏ ngãi”, “đứng núi này trông núi nọ” và cả cách ứng xử đầy vị tha của những nhân vật chèo cổ xưa vẫn còn hiện hữu, thường trực và là câu chuyện nóng trong các gia đình Việt Nam thời nay. Gửi gắm những cách nhìn nhân văn, cách đối nhân xử thế lấy lòng nhân ái làm nền tảng đạo đức… là những gì mà người xem hôm nay cảm nhận được từ tác phẩm. Khuynh hướng phục dựng, chỉnh lý chèo cổ với góc nhìn của đương đại đã thêm một lần được ê kíp sáng tạo và phục dựng của Nhà hát Chèo Việt Nam thể hiện thành công ở vở *Nàng Thiệt Thê*.

 (Trích ***Nàng thiệt thê: xem chuyện xưa ngẫm chuyện nay***, http://nhahatcheovietnam.vn)

**Câu 1:** Nhà hát Chèo Việt Nam đã làm gì để làm mới các vở chèo cổ?

**Câu 2:** Trong Vở *Nàng Thiệt Thê*, Chu Mãi Thần là người như thế nào?

**Câu 3:** Nhận xét về nàng Thiệt Thê trong vở chèo cùng tên?

**Câu 4:** Ý nghĩa của vở chèo *Nàng Thiệt Thê*.

**Câu 5:** Anh (chị) đánh giá như thế nào về khuynh hướng phục dựng, chỉnh lý chèo cổ với góc nhìn của đương đại?

**Câu 6:** Anh (chị) có đồng tình với cách ứng xử của nhân vật Chu Mãi Thần đối với người vợ cũ bội bạc?

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Để làm mới các vở chèo cổ:

- Nhà hát Chèo Việt Nam phục dựng lại : Vở *Nàng Thiệt Thê* viết lại từ tích chèo cổ *Chu Mãi Thần*; thay đổi một vài tình tiết khiến vở diễn đã được nâng tầm thêm giá trị tư tưởng, nhân văn

- Trong vở *Nàng Thiệt Thê* mới này, ê kíp sáng tạo đã tạo được những ấn tượng mới lạ khi triển khai làn điệu chèo kết hợp với âm nhạc dân gian miền Trung, đặc biệt là nét Vỉa Huế đầy ấn tượng. Nghệ thuật cách điệu, tính trào lộng được thấm đẫm ở các nhân vật, các tình huống của cốt truyện tạo nên sự cuốn hút cho người xem.

**Câu 2:** Trong Vở *Nàng Thiệt Thê*:

Nhân vật Chu Mãi Thần như là hiện thân của một nhân vật nho sinh đẹp nhất trong chèo cổ, quyết vượt lên mọi khó khăn để đạt được mục đích của mình về sự học, Chu Mãi Thần còn xử sự “đúng như một người quân tử”.

**Câu 3:** Nhận xét về nàng Thiệt Thê trong vở chèo cùng tên:

- Nhân vật Thiệt Thê trong vở diễn được khắc họa một cách nông nổi, đứng núi này trông núi nọ, vì ham muốn vật chất tầm thường trước mắt nên đã phải trả giá cho những sai lầm…

- Nhưng đến khi chồng đỗ đạt, thay vì kêu gào, xoắn xít nhận chồng thì nàng Thiệt Thê lại cảm thấy ân hận, xấu hổ, trốn tránh và không dám nhận chén thuốc ân tình mà chồng cũ đưa cho…

**Câu 4:** Ý nghĩa của vở chèo *Nàng Thiệt Thê*:

- Đây là câu chuyện “tham vàng bỏ ngãi”, “đứng núi này trông núi nọ”

- Vở chèo còn thể hiện cách ứng xử đầy vị tha của những nhân vật chèo cổ xưa

=> Vở chèo gửi gắm những cách nhìn nhân văn, cách đối nhân xử thế lấy lòng nhân ái làm nền tảng đạo đức…

**Câu 5:** Đánh giá về khuynh hướng phục dựng, chỉnh lý chèo cổ với góc nhìn của đương đại:

- Đây là cách làm tất yếu để đưa những vở chèo cổ tới gần thị hiếu của người đương đại.

- Chính cách làm này đã thổi vào những vở chèo cổ sức sống mới, tươi trẻ, hấp dẫn và thu hút

- Góc nhìn đương đại đã khiến đạo diễn phải thay đổi một vài tình tiết trong vở chèo cổ nhưng lại khiến vở chèo Thiệt Thê được nâng tầm nhân văn, mất đi những quan điểm cổ hủ không còn phù hợp với người đương đại

- Nếu chèo cổ nhân vật trung tâm là Chu Mãi Thần thì trong vở chèo nàng Thiệt Thê nhân vật trung tâm là nàng Thiệt Thê với rất nhiều toan tính thực dụng nhưng cũng ăn năn hối hận rất nhiều => Vở chèo không còn ca ngợi những Nho sinh xưa mà thay vào đó khai thác nội tâm người phụ nữ với sự giằng xé vì phải lựa chọn một bên là trung trinh, khí tiết và một bên là cuộc sống đủ đầy, một bên là người chồng lương thiện nhưng không rõ tương lai và một bên là lời bướm ong mật ngọt và cuộc sống phú quý, giàu sang

**Câu 6:** Bày tỏ quan điểm về cách ứng xử của nhân vật Chu Mãi Thần đối với người vợ cũ bội bạc:

- Chu Mãi thần sắc thuốc cho vợ cũ dù Thiệt Thê đã tham vàng bỏ ngãi

- Cách cư xử của người quân tử xưa đầy nhân văn, có trước có sau, trọng tình, trọng nghĩa

- Chính phẩm chất đạo đức sáng ngời của Chu Mãi Thần đã khiến Thiệt Thê phải dằn vặt, hối hận => Cái đẹp có sức mạnh lan tỏa, đẩy lùi cái xấu, cái ích kỉ, hẹp hòi

**BUỔI 2:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2:**

 **“HUYỆN ĐƯỜNG”-TRÍCH TUỒNG “NGHÊU, SÒ, ỐC, HẾN”**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Ý nghĩa đoạn trích:** Đoạn trích kể về các âm mưu, toan tính của những kẻ đại diện cho công quyền (gồm tri huyện, đề lại và các lính lệ) nhằm “tróc tiền” của những người thưa kiện (gồm lí trưởng và trùm Sò).

**2. Giá tri nghệ thuật:**

- Tạo tình huống gây cười

- Xây dựng những chân dung nhân vật qua lời thoại và hành động sinh động.

- Ngôn ngữ đa nghĩa gây cười

- Sử dụng một số thủ pháp gây cười nhằm tạo tiếng cười châm biếm, phê phán.

**3. Giá trị nội dung:**

- Tạo ra tiếng cười nhằm châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu, bản chất tham quan ô lại của bộ máy cai trị phong kiến. Qua đó, đoạn trích phần nào cho thấy diện mạo của chế độ phong kiến buổi suy tàn.

- Ca ngợi trí tuệ của nhân dân lao động.

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** **Bản chất của bộ máy công quyền trong chế độ cũ qua quan tri huyện và đề lại**

A. Bản chất tham lam của kẻ ăn trên ngồi trốc, quen sống phóng đãng; tự tung tự tác, bất chấp công lí, đạo lí, miễn sao vơ vét được nhiều của.

B. Bản chất lương thiện, thật thà

C. Bản chất gian ngoan, điêu ngoa, xảo trá, mánh khóe, lật lọng

D. Bản chất nhân hậu, thương quý dân như con

**(Đáp án A)**

**Câu 2: Tri huyện tự nhận mình là kẻ “Sự lí thường phân ẩu/ Được thua tự đồng tiền”. Y đã không làm việc nào sau đây**

A. Dây dưa chưa xử kiện ngay để nghĩ kế moi tiền của trùm Sò (“Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được.”).

B. Thực thi nguyên tắc “nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu” khi tiến hành xử kiện - kẻ có tội bị phạt nặng đã đành (một phần do không có tiền đút lót) nhưng nguyên cáo cũng không tránh khỏi việc bị phiền nhiễu.

C. Dung túng cho thuộc hạ (lính lệ) giở trò đòi những người thưa kiện phải hối lộ.

D. Dùng thủ đoạn tàn bạo, ăn cướp trắng trợn tiền bạc của dân

**(Đáp án D)**

**[Câu 3: Ý vị châm biếm từ 2 cụm từ](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp) *[thú vị](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp)* [và](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp) *[chuyên cần](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp)* [trong lời thoại: “Quan chức nghĩ nên thú vị/ Vào ra cũng phải chuyên cần”:](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-3-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp)**

A. “Thú vị”: Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với vị thế với những việc làm có thể khiến người dân phải lo lắng, sợ hãi; “chuyên cần”: “chuyên cần” vơ vét, miễn sao “đầy túi tham”

B. “Thú vị”: Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với cuộc sống xa hoa, hưởng lạc; “chuyên cần”: “chuyên cần”, chăm chỉ, nhiệt tình với những chuyến du ngoạn, ăn chơi

C. “Thú vị”: Tri huyện tỏ ra rất hài lòng với sự công chính, nghiêm minh khi xử kiện ; “chuyên cần”: chăm chỉ, nhiệt tình với công việc xử kiện

D. “Thú vị”: Tri huyện tỏ ra rất thú vị với những tình tiết gay cấn khi xử kiện ; “chuyên cần”: chăm chỉ, nhiệt tình nghiên cứu tài liệu, sách vở để xử kiện

**(Đáp án A)**

[**Câu 4: Mối quan hệ quan - dân trong xã hội xưa thể hiện qua câu: “Nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu”**](https://vietjack.com/sbt-ngu-van-10-kn/cau-4-trang-26-sbt-ngu-van-lop-10-tap-1-ket-noi-1.jsp)

A. Chỉ nên “hành” (hay lợi dụng) kẻ có của, có máu mặt (có tóc) để khai thác, trục lợi chứ “hành” (hay lợi dụng) kẻ tay không, nghèo xơ nghèo xác (trọc đầu) thì chẳng được cái gì => mối quan hệ giữa quan và dân chẳng khác gì mối quan hệ giữa kẻ tìm mồi và con mồi.

B. Chỉ nên nắm đứa có tóc chứ kẻ trọc đầu thì sao có thể nắm được => mối quan hệ giữa quan và dân chẳng khác gì mối quan hệ giữa những kẻ đối địch trên chiến trường

C. Chỉ nên nắm đứa có tóc chứ kẻ trọc đầu thì sao có thể nắm được => mối quan hệ giữa quan và dân chẳng khác gì mối quan hệ giữa những người hành pháp và kẻ tội phạm, khi bắt được tội phạm cần quản thúc thật kĩ, nếu không sẽ chạy trốn mất

D. Chỉ nên nắm lấy kẻ khôn ngoan, có trí tuệ, còn kẻ không có trí tuệ thì không cần quan tâm vì chẳng được cái gì => mối quan hệ giữa quan và dân chẳng khác gì mối quan hệ giữa người chủ và người làm công

**(Đáp án A)**

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

TRẤN ỐC: Khuyến bỉ vật bi! Vật bi!

Hữu ngô lai trợ! Lai trợ!

Gian nan hà túc lự?

Khẩn cấp khả đào sanh(1)!

(Quân canh ngủ. Ốc sờ soạng lại chỗ Ngao, Ngao hát Ốc ra.)

LỮ NGAO: (A! A! Thầy biết rồi. Thằng Trùm Sò với thằng Lý Hà về uống rượu, rồi bàn bạc với nhau, thấy bắt thầy cùm là thất lí, mới cho người ra mở cùm cho thầy, để thầy đi đàng thầy cho trôi. Chớ giải thầy lên quan thì phải tốn kém. Thầy dại gì cho bay mở cùm! Tao nằm đây, con dòi to bằng cỗ tay tao chưa về... Phen này, Trùm Sò phải hết cửa hết nhà với thầy cho coi! Bay giải thầy lên quan, trước hết phải mua chai rượu làm lễ ra mắt quan, quan Huyện nhận chai rượu đó mới đưa vào trong cho bà Huyện. Quan mới xử lăng nhăng chi chi đó, rồi quan nạt quan nộ, lão Trùm Sò phải lén ngõ sau mua lại chai rượu của bà Huyện, để thưa thưa, bẩm bẩm lần nữa. Vậy là nay khai, mai báo, chai rượu đó cứ luân hồi ngõ trước ngõ sau làm cho Trùm Sò phải hết nhà! Hết nhà! Hà hà... Bay có khôn ra đây, thầy bày cho! Bay sắm khay trầu cau rượu với chừng dăm quan tiền thôi, bay qua thưa với mụ thầy là con vợ tao đấy, nói khó với nó một tiếng, nó qua nó nhận thầy về. Vậy mà chắc chi thầy đã về cho! Em chết rồi em Sò của thầy ơi! Hà hà...)

TRẦN ỐC: (Phải giả tiếng mèo để làm hiệu riêng gọi) Ngao! Ng...a...o!

LỮ NGAO: Đoán biết ám hiệu, cũng theo tiếng mèo đáp lại Ốc! Ốc!

(Ốc đến mở cùm cõng Ngao thoát chạy. Quân canh thức dậy, hô hoán truy lùng, ...)

TRẤN ỐC: Lâm nước bí! Lâm nước bí!

Khó thoát thân! Khó thoát thân!

Quả dân đinh đã đuổi theo gần.

Đốt xích hậu mới mong chạy thoát.

(Ốc giấu Ngao một nơi, trở lại đốt xích hậu, chúng dân đổ về chữa cháy. Ốc cõng Ngao chạy thoái.)

LÝ HÀ, TRÙM SÒ: Cùng bọn người nhà

Chỉ thị hoả tại xóm nọ.

Một đoàn người tới đó,

Ngõ cứu lửa kia!

(Hạ)”.

(Trích ***Nghêu, Sò, Ốc, Hến***, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 12,

NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

(1) Khuyên gã chớ buồn! Chớ buồn!

Có ta đến giúp! Đến giúp!

Gian nan đâu đủ cho ta phải lo?

Mau gấp lên có thể chạy thoát.

**Câu 1:** Đoạn trích kể sự việc gì?

**Câu 2:** Hãy chỉ ra các yếu tố của kịch bản văn học được thể hiện trong đoạn trích.

**Câu 3:** Lữ Ngao đã mô tả quy cách xử kiện của tri huyện như thế nào?

**Câu 4:** Qua lời của Lữ Ngao, anh (chị) nhận xét gì về cách xử kiện của tri huyện?

**Câu 5:** Lời độc thoại của Ngao tạo ra tiếng cười như thế nào?

**Câu 6:** Từ bộ mặt của giai cấp thống trị, anh chị suy nghĩ như thế nào về số phận của người dân nghèo?

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Đoạn trích kể về sự việc: Ngao nhầm Ốc là người của Trùm Sò và Lý Hà, được Lý Hà, Trùm Sò sai đến mở cùm cho Ngao vì nhận ra đã bắt Ngao khi không đủ chứng lí.

**Câu 2.** Các yếu tố của kịch bản văn học:

- Có cốt truyện

- Có nhân vật kèm lời thoại

- Có các chỉ dẫn sân khấu

**Câu 3.** Quy cách xử kiện của tri huyện qua mô tả của Lữ Ngao:

- Trùm Sò phải hết cửa hết nhà với thầy: trước hết phải mua chai rượu làm lễ ra mắt quan, quan Huyện nhận chai rượu đó mới đưa vào trong cho bà Huyện. Quan mới xử lăng nhăng chi chi đó, rồi quan nạt quan nộ, lão Trùm Sò phải lén ngõ sau mua lại chai rượu của bà Huyện, để thưa thưa, bẩm bẩm lần nữa. Vậy là nay khai, mai báo, chai rượu đó cứ luân hồi ngõ trước ngõ sau làm cho Trùm Sò phải hết nhà

- Là lời kể của người thấu hiểu tường tận quy cách xử kiện của tri huyện

**Câu 4.** Nhận xét về cách xử kiện của tri huyện:

* Mỗi khi có vụ xử kiện là quan lại có thêm một cơ hội kiếm ăn
* Quan không xử ngay mà tìm mọi cách chần chừ, dây dưa để người dân quà cáp, hối lộ nhiều lần, cho đến khi nào sạch bách mọi của cải

- Quan bóc lột theo quy trình, có bài bản. Đây là việc làm quen thuộc giúp quan ngày càng dạn dày kinh nghiệm để có thể bóc lột tới mức người dân hết sạch nhà

**Câu 5.** Tiếng cười được tạo ra bởi lời độc thoại của Ngao: Sự nhầm lẫn của Ngao tạo ra tiếng cười vui vẻ, bông đùa hay phê phán (nhầm Ốc là người của Trùm Sò và Lý Hà, được Lý Hà, Trùm Sò sai đến mở cùm cho Ngao vì nhận ra đã bắt Ngao khi không đủ chứng lí,...); Sự hình dung trước vụ “bắt thầy giải quan” của Lý Hà và Trùm Sò

**Câu 6**. Số phận của người dân nghèo: Người dân thấp cổ, bé họng, khi liên quan tới kiện cáo bao giờ cũng thiệt thòi, họ bị bóc lột tới mức không còn đường sinh kế.

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Cái cốt truyện của nó đơn giản, ai cũng có thể kể lại bằng một tóm tắt: Qua ngàn năm tu luyện, Hồ Nguyệt Cô được hoá kiếp trở thành người trong thân thể một nữ tướng tài năng, xinh đẹp. Bị lợi dụng trong mối tình với Tiết Giao, nàng nhả viên ngọc trong người ra để rồi phải hoá về kiếp cáo.

Câu chuyện đơn giản nhưng ám ảnh sân khấu tuồng đã hàng mấy trăm năm, ám ảnh bao thế hệ khán giả về thân phận người phụ nữ đáng thương, đáng trọng hay đáng trách, về cái đẹp mong manh, cái tài năng thật giả, về kiếp người thoáng chốc, về tình yêu trong sáng vô tư và đen tối âm mưu, về sự tồn tại những giá trị…

  Thì ra giữa kiếp người và kiếp vật chỉ là một viên ngọc. Viên ngọc long lanh sáng kia không chỉ là giá trị vật chất, cơ bản hơn, nó là sự bảo đảm, bảo hiểm cho kiếp người, phận người, thân người, nhân cách người. Tức một “siêu giá trị”. Vì có gì giá trị hơn con người đâu. Minh triết dân gian sáng tạo ra hình tượng viên ngọc ấy cũng thực sự là “siêu trí tuệ”. Còn phải là một tâm hồn mạnh mẽ, rất khoẻ nồng nàn yêu thương con người mới nghĩ ra được cái vật “bảo hiểm” giữ vững con người trong địa hạt tính người, không để người rơi xuống kiếp vật. Ai là người, không riêng Hồ Nguyệt Cô cũng đều có “ngọc người” của riêng mình. Ranh giới người/ vật cũng thật mong manh. Chỉ một phút yếu lòng là con người ta rất có thể nhả “ngọc” để về kiếp thú!!!

…

Vở tuồng là một tiếng nói nghệ thuật kinh điển về cách hiểu. Nhân vật Hồ Nguyệt Cô đáng kính, đáng yêu, đáng trọng, hay đáng thương, đáng ghét? Ảnh hưởng và chi phối bởi mỹ học Nho gia nhưng tại sao nhân vật lại mang tính “nổi loạn” muốn phá vỡ thứ mỹ học giáo điều cấm đoán ấy? Nhưng không ai phủ nhận nhân vật là một biểu hiện sức sống mãnh liệt, đầy cá tính khát khao đổi thay. Đây đích thực là hình tượng nghệ thuật bởi sự vươn lên khỏi cái thông thường, ổn định, quen nếp. Nó sẽ mãi vĩnh cửu bởi vẻ đẹp, bởi sự đa nghĩa, bởi nó mang cấu trúc của toà lâu đài nhiều cửa mà mỗi người với vốn liếng mỹ học của mình mà đi vào cửa nào thấy thích, thấy hợp.

# (***Hiểu thêm một kiệt tác*, Nguyễn Thanh Tú, Báo Công an nhân dân)**

**Câu 1:** Đoạn văn bản trên bàn đến vở tuồng cổ nào?

**Câu 2:** Nêu nội dung khái quát của vở tuồng.

**Câu 3:** Ý nghĩa của viên ngọc.

**Câu 4:** Tại sao tác giả cho rằng Hồ Nguyệt Cô “đích thực là hình tượng nghệ thuật bởi sự vươn lên khỏi cái thông thường, ổn định, quen nếp”

**Câu 5:** Tác giả cho rằng *Hồ Nguyệt Cô hoá cáo* đa nghĩa và mang cấu trúc của toà lâu đài nhiều cửa. Anh (chị) hãy mở ra một vài cách hiểu.

**Câu 6:** Anh (chị) viết đoạn văn 7 – 10 dòng nêu suy nghĩ của mình về viên ngọc người.

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Đoạn văn bản trên bàn đến vở tuồng cổ: ***Hồ Nguyệt Cô hoá cáo***

**Câu 2:** Nội dung khái quát của vở tuồng:

Qua ngàn năm tu luyện, Hồ Nguyệt Cô được hoá kiếp trở thành người trong thân thể một nữ tướng tài năng, xinh đẹp. Bị lợi dụng trong mối tình với Tiết Giao, nàng nhả viên ngọc trong người ra để rồi phải hoá về kiếp cáo.

**Câu 3:** Ý nghĩa của viên ngọc:

Viên ngọc long lanh sáng kia không chỉ là giá trị vật chất, cơ bản hơn, nó là sự bảo đảm, bảo hiểm cho kiếp người, phận người, thân người, nhân cách người

**Câu 4:** Tác giả cho rằng Hồ Nguyệt Cô “đích thực là hình tượng nghệ thuật bởi sự vươn lên khỏi cái thông thường, ổn định, quen nếp” vì:

Ảnh hưởng và chi phối bởi mỹ học Nho gia nhưng nhân vật lại mang tính “nổi loạn” muốn phá vỡ thứ mỹ học giáo điều cấm đoán ấy

**Câu 5:** Tác giả cho rằng *Hồ Nguyệt Cô hoá cáo* đa nghĩa và mang cấu trúc của toà lâu đài nhiều cửa. Có thể hiểu:

* Hồ Nguyệt Cô vì nhẹ dạ mà mất ngọc quý phải trở về kiếp cáo
* Ranh giới người/ vật mong manh, chỉ một phút yếu lòng là con người ta rất có thể nhả “ngọc” để về kiếp thú
* Người phụ nữ u mê trước tình yêu khiến tài năng, sắc đẹp bỗng chốc hóa hư vô

**Câu 6:** Viết đoạn văn 7 – 10 dòng nêu suy nghĩ của mình về viên ngọc người

- Hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn 7 – 10 dòng

- Nội dung:

+ Là thứ quý giá trong mỗi con người, giữ con người ta luôn là người chứ không bị rơi vào phần con

+ Nó ở trong mỗi người nhưng nó vẫn là một thực thể riêng biệt mà nếu ta không giữ gìn, vun đắp thì nó vẫn có thể rơi mất

+ Vì nó quý giá nên sẽ nhiều người khao khát và tìm cách chiếm lấy nó, nhất là những kẻ tham lam,...

**DẠNG 3: KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT**

**Đề bài 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: bạn có dám đấu tranh cho công lý?**

 **Gợi ý dàn ý**

\* Rubrics đánh giá đoạn văn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)  |  |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn  |  |
| **Nội dung** | - Xác định đúng yêu cầu của đề bài: **trả lời câu hỏi: bạn có dám đấu tranh cho công lý**? |  |
| * Lựa chọn thái độ sống mạnh mẽ, quyết liệt đấu tranh chống lại cái bất công, vô lí

+ Xã hội ngày càng hiện đại, văn minh nên đòi hỏi về sự công bằng càng cao+ Tuy vậy, cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, con người thì vô vàn tính cách nên không thể tránh được sự bất công vô lí+ Đấu tranh giành công bình chính là đấu tranh để tiêu diệt sự tham lam, ích kỉ, cá nhân, vụ lợi để hướng tới xã hội văn minh và tốt đẹp hơn+ Luyện rèn trí tuệ, bản lĩnh, tâm hồn để có sức mạnh đấu tranh |  |
| Rút ra nhận thức của người viết |  |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Đề bài 2: Nghị luận văn học:**

**Tiết Giao :** A trời ơi đau quá. Không có ngọc người, ta chết mất, ta chết mất Nguyệt Cô ơi.

**Hồ Nguyệt Cô :** Ngọc người, ngọc người em có.

**Tiết Giao :** Hả ?

**Hồ Nguyệt Cô :** Dạ, dạ để em đi tìm ngọc người về đây cho chàng. Chàng đợi em nghe chàng.

**Tiết Giao :** Mau đi, nàng đi mau đi.

**Tiết Giao:** Nguyệt Cô đà đi khuất, ta lấy được ngọc người, mau giục mã lướt sông, trở về nơi Đường quốc.

**Hồ Nguyệt Cô:** Tiết Giao, trả ngọc lại cho em, Tiết Giao. Giao ơi vì sao nỡ đành tâm, tình yêu ban đầu Giao đã quên. Thương ai thiếp đây trao ngọc quý, không thương nữa thôi sao nỡ đành gieo khổ đau. Tiết Giao, trả ngọc lại cho em mà, Tiết Giao.

**Tiết Giao :** Yêu tinh đừng nên đến gần ta, nhà ngươi mong hại ta chết oan. Sư ông mách ta thâu ngọc quý. Hồ ly hết mong chi sống còn trên thế gian.

**Hồ Nguyệt Cô :** Cúi trăm lạy cao lang dùm thương, thứ tha dùm kiếp hoa hồng nhan.

**Tiết Giao :** Chớ than khóc ta nào nghe, yêu quái buông ra lời van xin. Ta sẽ cho người thành dòng tinh yêu quái muôn người lánh xa.

**Hồ Nguyệt Cô:** Giao hỡi Giao sao chàng đành quên duyên mình hỡi anh.

**Tiết Giao:** Yêu quái hãy xem đây

(Trích ***Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*** – Đào Tấn, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 12, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

Đoạn văn bản trên cho anh (chị) hiểu gì về Hồ Nguyệt Cô và Tiết Giao. Viết bài văn nghị luận 1000 chữ .

**Gợi ý viết bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung**  | **Kết quả** |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Đoạn văn bản trên cho anh (chị) hiểu gì về Hồ Nguyệt Cô và Tiết Giao. Viết bài văn nghị luận 1000 chữ  |  |  |
| a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận |  |  |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận |  |  |
| Hình tượng Hồ Nguyệt Cô và Tiết Giao trong đoạn trích tuồng ***Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*** |  |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, so sánh); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. |  |  |
| **Giới thiệu chung:**Đoạn tuồng được trích từ vở ***Hồ Nguyệt Cô hóa cáo*** sáng tác bởi Đào Tấn, một nhà viết tuồng tài năng**Phân tích cụ thể:**\* Thoạt nhìn thì đây là một câu chuyện tình đẹp nhưng có biến cố: Chàng trai (Tiết Giao) lâm trọng bệnh; để cứu chàng, người con gái (Hồ Nguyệt Cô) sẵn sàng trao đi viên ngọc người, vật bảo hộ để nàng được là người\* Nhưng hóa ra đây là tình yêu bất hạnh của người con gái:* Tiết Giao:

+ Tiết Giao giả đau để đánh thức tình yêu và nỗi thương cảm của Hồ Nguyệt Cô+ Khi ngọc vừa giao thì cũng là lúc hắn trở mặt, lập tức coi Hồ Nguyệt Cô là kẻ thù+ Từ xưng hô cũng thay đổi theo sự tráo trở của Tiết Giao+ Hành động cũng trở nên dữ dội hơn sau khi đoạt được ngọc quý* Hồ Nguyệt Cô

+ Hồ Nguyệt Cô thấy người tình bị đau, nàng xót xa vô hạn, sẵn sàng trao đi ngọc người để cứu người mình yêu+ Khi ngọc người bị cướp trắng trợn, nàng níu kéo nhưng Tiết Giao không mảy may thương xót+ Nàng quỳ lạy xin lại ngọc nhưng Tiết Giao phũ phàng ra tay với nàng như ra tay trừng trị yêu quái gớm ghiếc* Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Nhân vật luân phiên lượt lời khiến tình thế phát triển liên tục, càng lúc càng gay cấn+ Tâm lí nhân vật phát triển khá hợp lí: Tiết Giao toan tính, ủ sẵn âm mưu nên giọng điệu từ chỗ ngọt ngào đễn chỗ phũ phàng, chua chát+ Hồ Nguyệt Cô cả tin nên đang từ yêu thương tha thiết đến chỗ bất ngờ không tin nổi rồi vỡ òa trong sự đau đớn cùng cực**Đánh giá:**- Đoạn tuồng như một câu chuyện ngụ ngôn, lời ít mà ý thì chứa bao ẩn tình sâu xa- Đây là vở tuồng với nội dung khá lạ, nó không còn là chữ trung quen thuộc như nhiều vở tuồng khác mà hướng tới chữ tín với những giá trị đạo đức cao đẹp của con người |  |  |
| d. Sáng tạo |  |  |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. |  |  |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu |  |  |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  |

**BUỔI 3:**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:** **Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề văn hoá truyền thống Việt Nam)** |

**I. NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**Dàn ý chung của bài viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề:**

**1. Đặt vấn đề:** Nêu rõ đề tài và vấn đề nghiên cứu.

**2. Giải quyết vấn đề:** Trình bày các kết quả nghiên cứu chính thông qua hệ thống luận

điểm, có các dữ liệu, bằng chứng.

**3. Kết luận:** Khằng định kết quả nghiên cứu và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu, gợi mở

những hướng tiếp cận mới.

**4. Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

|  |
| --- |
| **Đề 01:** **Viết báo cáo nghiên cứu về nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình 'Sơn Hậu' và 'Ngọn lửa Hồng Sơn'** |

 **Gợi ý:**

\***Bảng kiểm đánh giá bài báo cáo:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết báo cáo nghiên cứu về nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình 'Sơn Hậu' và 'Ngọn lửa Hồng Sơn'** | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***Nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình 'Sơn Hậu' và 'Ngọn lửa Hồng Sơn'** |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo yêu cầu của một văn bảo báo cáo nghiên cứu*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **Đặt vấn đề:**- Giới thiệu hai vở tuồng- Khát quát và đánh giá về nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình 'Sơn Hậu' và 'Ngọn lửa Hồng Sơn' |  |
| **Giải quyết vấn đề:**Trong bài soạn này, GV giúp HS viết bài báo cáo nghiên cứu nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình “Sơn Hậu” và “Ngọn lửa Hồng Sơn”. Vì vậy, khi đến lớp, GV có thể hướng dẫn HS xem một số đoạn tuồng “Sơn Hậu” và “Ngọn lửa Hồng Sơn”HS cần đưa ra hệ thống luận điểm làm rõ “Nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình “Sơn Hậu” và “Ngọn lửa Hồng Sơn”* **Nghệ thuật khắc họa tính cách**

- Nhân vật được khắc họa với tính cách một chiều- Tính cách nhân vật được khắc họa qua hệ thống lời thoại đậm cá tính, qua động tác diễn xuất của diễn viên- Điều hạn chế khá quan trọng là các nhân vật chỉ xuất hiện và hoạt động chủ yếu trong mối quan hệ cang thường và biểu hiện những đức tính: Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, còn cuộc sống riêng tư của con người ít khi được đề cập đến* **Nghệ thuật khắc họa hành động**

- Mỗi hành động của nhân vật được mô tả theo đúng tuyến tính không gian và thời gian- Hành động của nhân vật luôn được đẩy đến sự tột cùng của quyết liệt..- Hành động của các nhân vật trong Tuồng cung đình tương ứng với lịch sử ra đời của kịch bản Tuồng.  |  |
| **Kết luận: Kết lại vấn đề nghiên cứu** |  |
| **Tài liệu tham khảo: Ghi rõ họ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố** |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức bài báo cáo nghiên cứu chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã đánh giá được nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình “Sơn Hậu” và “Ngọn lửa Hồng Sơn” theo cảm nhận của riêng em chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**Bài Báo cáo nghiên cứu tham khảo:**

**Nghệ thuật khắc họa tính cách và hành động nhân vật qua hai vở tuồng cung đình 'Sơn Hậu' và 'Ngọn lửa Hồng Sơn'**

Sân khấu Tuồng cung đình Huế qua *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng sơn* là cuộc đấu tranh chính trị, đề cao những vấn đề quốc gia đại sự, những cuộc xung đột giữa chính và tà, trung và nịnh trong triều đình phong kiến.

Các nhân vật chính, nhân vật trung tâm luôn phải trải qua một quá trình bị đặt trong tình thế phải lựa chọn. Chính vì vậy, tâm lý của nhân vật luôn xung đột, bởi luân thường đạo lý xoắn quanh tâm trí họ. Do đó, khi xây dựng các kịch bản sân khấu [Tuồng cung đình](http://khamphahue.com.vn/vanhoa-dulich-Hue/l-3/CBE88312-1114-4218-AFC5-54ABC4116837/18369-gap-nguoi-ke-mat-na-cho-tuong-hue.aspx#.VlzxoW5yHTQ) nói chung, hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* nói riêng, ngoài hệ thống nhân vật trong không gian cung đình được lồng ghép theo kiểu đan xen nhau, thì trong vòng xoáy kìm tỏa của chế độ phong kiến, giới quan lại triều đình nhà Nguyễn cũng đã song song xây dựng bao quát một hệ thống nhân vật thông qua tính cách và hành động của từng nhân vật cụ thể.

**Nghệ thuật khắc họa tính cách**

Nhân vật trong tất cả các kịch bản văn học [Tuồng cung đình Huế](http://khamphahue.com.vn/vanhoa-dulich-Hue/l-3/CBE88312-1114-4218-AFC5-54ABC4116837/18369-gap-nguoi-ke-mat-na-cho-tuong-hue.aspx#.VlzxoW5yHTQ), luôn được khắc họa tính cách theo kiểu một chiều. Không có nhân vật ban đầu tốt, sau trở thành xấu và ngược lại. Cũng như vậy, đặc trưng tính cách của các nhân vật trong hai vở Tuồng cung đình *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* không có sự biến chuyển, đây là sự khẳng định rất rõ ràng thông qua nội dung của các kịch bản Tuồng.

Phàn Định Công trong Tuồng *Sơn Hậu* tính khí trung trực, quả cảm và nóng nảy, ông luôn có suy nghĩ khác người, bởi vậy khi nghe Tạ Thiên Lăng cướp ngôi vua ông đã chặt đầu tên sứ quan của triều ngụy đến dụ hàng, lấy máu nó đề cờ phục quốc.

(Chư tướng) Truyền đặt bàn quỳ tế ngũ phương

Lấy huyết sứ đề cờ phục quốc

Truyền khanh đẳng trai minh thịnh phục1

Trước là trả thảo tiên hoàng

Sau đặng tròn niềm thần tử.

Quân vừa kéo đi thì một ngọn gió thổi gãy cờ. Có người cho rằng đó là điềm chẳng lành, khuyên ông hoãn binh. Ông nói, cờ của ông là cờ chính nghĩa, thánh thần phải phù hộ, gió kia là ma quỷ, là tà khí, ta bất chấp nó. Đi một đoạn nữa, ông nhận được mật thư của Lê Tử Trình, nội dung thư bảo ông chưa nên động binh, hãy chờ cứu được mẹ con thứ hậu ra khỏi nơi tử tù đã. Ông giận thư kia đến muộn, nên nếu rút lui lúc này là mất nhuệ khí quân lính. Ông ngã ngựa và hộc máu. Tướng sĩ can gián, ông quát tiến quân, rồi lại hộc máu và ngã ngựa. Lại có người can ông, nhưng ông vẫn nhảy lên lưng ngựa ra lệnh ai can gián sẽ chém đầu. Rồi lần thứ ba ông ngã, hộc máu và chết. Một cái chết đầy hùng khí.

Thiên dĩ táng, thiêng dĩ táng!

Khí lực suy khi lực suy!

(Thương hại) Gắng sức già lên ngựa ba phen

Trời chẳng độ, Tề triều ắt mất

Ngưỡng thiên nhi đoản thán

Phủ địa dĩ trường thanh2

(Diệm nhìn mặt cha cho tường a con)

Ngựa Khương Dung giấu để ngoài thành

Cốt Phàn thị sớm chôn Sơn Hậu.

Cũng như vậy, tính cách bộc trực nhưng khẳng khái của Khương Linh Tá chính là tiền đề cho những thắng lợi của phe trung thần, bởi vì ở con người này mỗi câu nói trong lúc lâm nguy luôn thể hiện tính cách dứt khoát và quyết liệt:

Khuyên yêng đừng thoái chí

Hãy gắng sức anh hùng

Yêng hãy phòng hoàng tử, thứ cung

Mà ra chốn ải quan đặng trước

Ví dù Tạ tặc

Binh mã tiến truy

Đã có chước giải nguy

Mặc tài tôi ngăn trở

Sức này dù xô ngã

Yêng chạy đã xa đường

Khi nhân vật bộc lộ cá tính của mình, ngôn ngữ thường chứa đựng nhiều thông tin, với nội dung chân thực, chính xác nhằm khắc họa sâu sắc tính cách của nhân vật. Để nói thế nước đang trong cơn nguy khốn và sự thiếu vắng những trung thần vì vua vì nước, Đổng Kim Lân than:

Cơ nghiệp tề chẳng khác trứng trồng

Binh quyền Tạ dường như đã gác”

...
“Chim muốn bay hiềm vì thiếu cánh

Rắn muốn chạy ngại nổi không đầu”

...

“Thành nghiêng không kẻ đắp

Lũy mỏng thiếu người bồi

Và Đổng Kim Lân cùng Khương Linh Tá đã thề nguyện:

Phơi gan đắp lũy

Lột da bồi thành”

Triệu Khắc Thường khinh bỉ những kẻ hèn nhát:

“Thế cũng đòi lên ngựa cầm đao

Về mà vận yếm đào cho tiện

Cũng như vậy, trong vở Tuồng *Ngọn lửa Hồng Sơn* Tạ Ngọc Lân đã khen tính cách của Triệu Tư Cung:

Biết ngựa hay bởi tại đường dài

Quả cây đắng đã sinh trái ngọt.

Trong mỗi kịch bản sân khấu Tuồng cung đình Huế nói chung, hai Vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* nói riêng, tính cách nhân vật thường được khắc họa thông qua động tác biểu diễn của nhân vật trên sân khấu. Đây có thể coi là kiểu kích thích tình cảm trong diễn xuất của nhân vật. Trong đoạn Khương Linh Tá quan sát giặc chuẩn bị chiến đấu:

Binh theo đường gió

Tướng đuổi tựa mưa

Đoái trước sau chỉ có mình ta

Tưởng cô thế khôn ngăn ba gã

Luận theo đường hổ

Ra sức tranh long.

Khi diễn viên sử dụng múa để nhằm tô đậm tích cách nhân vật, thường chọn những điểm nhấn của lời văn mang tính hình tượng để biểu hiện, Tạ Ngọc Lân trong lớp sai Phương Cơ về triều đình thám thính đã cất giọng hát:

Thấy nói lòng mừng lật đật

Nghe rằng chân bước xung xăng

(Bây giờ)

Giả điên cuồng con xuống Trường An

Thông tin tức cha lên Trúc Tự.

Điều hạn chế khá quan trọng là các nhân vật chỉ xuất hiện và hoạt động chủ yếu trong mối quan hệ cang thường và biểu hiện những đức tính: Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, còn cuộc sống riêng tư của con người ít khi được đề cập đến. Điều này xuất phát từ mối quan hệ xã hội, họ coi đó là những mẫu mực của xử thế, do đó những người làm nghề Tuồng khi trình diễn hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* thường nói:

+ Thông minh như con Cơ (Tạ Phương Cơ trong vở *Ngọn lửa Hồng Sơn*).
+ Ngay thẳng như Triệu Khắc Thường (Tuồng*Sơn Hậu*).

+ Tình bạn như Kim Lân - Linh Tá (Tuồng *Sơn Hậu*).

+ Đúng đắn như bà Nguyệt (Nguyệt Hạo trong Tuồng *Sơn Hậu*).

Những tính cách điển hình nói trên, là hình tượng nghệ thuật theo quan niệm của người nghệ sĩ, bởi họ đã biết cảm xúc ở mặt đạo đức xã hội về phẩm chất của con người: trung thực, giàu khí tiết, thông minh, dũng cảm, thủy chung. Từ quan niệm này, vấn đề riêng tư của nhân vật ít được đề cập đến cũng là một lẽ tự nhiên.

Khác với các loại hình sân khấu khác, đối với sân khấu [Tuồng cung đình Huế](http://khamphahue.com.vn/vanhoa-dulich-Hue/l-3/CBE88312-1114-4218-AFC5-54ABC4116837/18369-gap-nguoi-ke-mat-na-cho-tuong-hue.aspx#.VlzxoW5yHTQ) mang chủ đề quân quốc, những người làm nghề Tuồng thường thuộc câu nằm lòng:

Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc

Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi.

Từ câu nói trên, người xem có thể nhận thấy tính cách của mỗi nhân vật trong Tuồng được thể hiện rõ ra bên ngoài khuôn mặt được hóa trang của diễn viên. Ở đây, tính cách của nhân vật được thể hiện rõ ở màu sắc với ba tông màu chủ đạo là đen - đỏ - trắng và thêm một số màu phụ trợ như: xanh, xám… Mỗi tông màu gắn với từng mô típ nhân vật cụ thể, như: mặt đen - đại diện cho sự rắn chắc; mặt trắng - vẽ sự bạc bẽo; mặt mốc - dành cho kẻ xu nịnh, phản trắc; mặt rằn - kẻ tướng mạo xấu xí, tính tình nóng nảy; mặt đỏ - tỏ rõ sự trung can nghĩa khí... Đồng thời, hàm chứa sâu sắc cái đẹp trong mỹ học dân tộc. Đối với hai vở Tuồng cung đình *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn*, tính cách nhân vật cũng được khắc họa như vậy.
Trong hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* tính cách nhân vật cũng đã khắc họa thông của sự bộc lộ cá tính độc đáo của nhân vật, dù mỗi nhân vật có một tính cách khác nhau, nhưng nhìn chung tác giả đã xây dựng nhân vật dựa theo cốt truyện nhằm làm nổi bật nội dung để chuyển tải đến người đọc và người xem những lập trường, tư tưởng cũng như lý tưởng của nhân vật thông qua những cảnh, lớp, hồi của kịch bản.

**Nghệ thuật khắc họa hành động**

Trong hai kịch bản văn học Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn*, mỗi hành động của nhân vật luôn được tác giả khắc họa theo qui chuẩn tâm lý đúng với thể loại sân khấu Tuồng cung đình. Trong đó, mỗi hành động của nhân vật được mô tả theo đúng tuyến tính không gian và thời gian, đó cũng chính là mấu chốt thành công của cốt truyện. Mịch Quang, trong *Đặc trưng nghệ thuật Tuồng* cho rằng: “...ở tuồng, với tính chất ngâm xướng quán triệt trong phong cách của nó, rất khó gây hứng thú chỉ bằng hát. Do đó, nếu văn học tuồng không chú trọng đến hành động, mà chỉ lao theo viết nhiều làn điệu cho mấy đi nữa cũng không thể tạo đất hoạt động cho diễn viên, không thể gây hứng thú cho nghệ thuật”.

Đối với tất cả các loại hình sân khấu, hành động là điều kiện quyết định cho sự thành công của vở kịch. Tuy nhiên, đối với đặc trưng nghệ thuật sân khấu Tuồng cung đình Huế, kịch bản luôn dồi dào tính hành động, và chính hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* là những vở Tuồng rất giàu hành động và xung đột. Sự việc diễn ra hầu hết là sự đấu tranh không điều hòa giữa hai lực lượng trung và nịnh dẫn đến sự kết thúc một mất một còn. Ở đây, hành động của nhân vật luôn được đẩy đến sự tột cùng của quyết liệt. Do đó, nhân vật nếu đã nổi giận thì giận đến long trời lở đất. Chúng ta có thể nhận thấy giận dữ của Phàn Định Công trong Tuồng *Sơn Hậu* khi nghe sứ thần của Tạ Thiên Lăng đến dụ hàng:

Vương Sứ:

Vâng lệnh thiên tử

Chiếu truyền dữ lão quan

Hồi bái yết thiên nhan

Đặng gia phong quyền tước

Phàn Định Công:

Nhìn chiếu chỉ quỳ tâm hưởng phúc

Để sắc văn yển thảo xuy phong3

(Chư tướng) Nay có chiếu trào trung

Truyền bài khai hương án.

Vương Sứ, (đọc chiếu):

Nhất gia nhân, nhất quốc hướng nhân

Nhất gia nhượng, nhất quốc hướng nhượng4

Tạ triều đình chiếu chỉ

Trẫm hiệu Thiên vương

Phàn Định Công:

(Sứ, Tạ vương là Tạ vương mô hè?)

Vương Sứ:

(Thưa, Tạ Thiên Lăng).

Phàn Đinh Công:

(Ải, ải) Thấy nói dầu sôi sùng sục

Nghe thôi lửa cháy bừng bừng

(Ấy vậy) Ngỡ Tề triều chiếu chỉ thì lão vâng

Nay Tạ tặc dụ ngô dường ấy?!

Kíp xé tan chiếu chỉ,

(Đao phủ quân)

Đao phủ nã xứ nhân

(Chư tướng!)

Truyền đặt bàn quý tế ngũ phương

Lấy huyết sứ đề cờ phục quốc.

Và cũng như vậy, những nhân vật trong các kịch bản Tuồng nếu đã khóc thì khóc đến xé lòng, đến chảy máu mắt; nếu là tiếng cười thì tiếng cười đến lộn ruột, nghĩa là những hành động tương phản cực độ. Ở đây, trong các kịch bản Tuồng, tiếng cười thường được xây dựng xung quanh hành động của các nhân vật như: quan xòi5, lính canh... điều này được thể hiện lúc Tạ Phương Cơ muốn vượt qua cổng thành về báo lại tình hình với cha mình, rằng Triệu Văn Hoán đã tiếm ngôi vua và cử Tạ Kim Hùng làm đốc tướng.

Hai lính canh:

(Con kia, đi đâu...?)

Phương Cơ:

(Dạ, em đi, em đi tìm chồng em... a ha hahaaaaa).

Hai lính canh:

“Ê, hắn đi tìm chồng mi ơi, con nhà ai mà xinh thế không biết, mà hình như hắn bị điên..., em ơi, chồng đây này, hiiiiiiiiiiiiii).

Con cu bay bổng qua sông

Hỏi thăm em bậu có chồng mà hay chưa.

Phương Cơ:

Có chồng năm ngoái (mà) năm xưa

Năm nay chồng chết nên chưa có chồng.

(A ha haaaaaaaaa, cho em qua bên nớ nghe anh, a haaaaaa).

Hai lính canh:

Có chồng không nói qua hay

Qua cho thúng bún, qua giùm quả xôi”

Phương Cơ:

“Có gì mà bún mà xôi

Hộp trầu chén rượu đã rồi hôm qua

Chạy qua ải

Hai lính canh:

Con này đã dại

Ta lại không khôn

Theo con này chặt lấy bàn chơn

Bỏ xuống ruộng cho cua nó kẹp.”

Có thể nói, dù chỉ là một cảnh, một lớp đi đường diễn ra ở cổng thành hay rừng núi, nhưng hành động của nhân vật chính là điểm ráp nối cho các kiểu xung đột trong nghệ thuật Tuồng nói chung và hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* nói riêng.

Theo Mịch Quang, trong *Đặc trưng nghệ thuật Tuồng*: “Tính hành động là cái không thể thiếu được của các vở tuồng được truyền tụng, nhưng “tính hành động quyết liệt” lại chỉ là đặc tính trong một thời kỳ lịch sử nhất định của kịch bản tuồng, phản ánh thế giới quan của các nhà hoạt động tuồng đương thời và hoàn cảnh xã hội (thời cuối Lê đầu Nguyễn) vào khoảng thế kỷ từ XVI đến XVIII. Đến cuối thế kỷ XVIII, sang đầu thế kỷ XIX (nhất là tuồng của Đào Tấn) tính hành động tuy vẫn là một đặc trưng cơ bản, nhưng không còn gay gắt quyết liệt, mà lại lắng vào chiều sâu, thiếu về hành động tâm trạng”.

Với sự nhận định trên, hành động của các nhân vật trong Tuồng cung đình tương ứng với lịch sử ra đời của kịch bản Tuồng. Ở hai vở Tuồng *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* hành động tâm trạng của các nhân vật vẫn được đẩy đến tột độ, đó là những suy nghĩ của: Lê Tử Trình, của Đổng Kim Lân, của Tạ Ngọc Lân, của Triệu Tư Cung, của Lý Khắc Minh... tìm “phương cứu giải” khôi phục giang sơn đất nước trong tiếng thở dài độc thoại của bản thân cùng bóng đêm cô tịch.

Kịch tính và hành động của nhân vật luôn căng thẳng từ đầu đến cuối vở diễn. Then chốt của kịch tính là nằm ở những xung đột nội tâm hết sức quyết liệt của nhân vật. Trong Tuồng *Sơn Hậu* chúng ta có thể thấy hành động của nhân vật được khắc họa thông qua sự đấu tranh nội tâm một cách quyết liệt như: Khi Đổng Kim Lân đem binh đến đánh Tạ Thiên Lăng, nhưng thấy thế họ Tạ quá lớn đành phải quy thuận; Khương Linh Tá đem quân tới giúp Đổng Kim Lân, nhưng thấy Kim Lân đã trá hàng về với Tạ Thiên Lăng, cũng đành trá hàng theo; Thái giám Lê Tử Trình tuy trong lòng muốn bảo tồn dòng giống của vua Tề, nhưng phải dâng ấn ngọc cho Tạ Thiên Lăng, để tranh thủ lòng tin của tên thái sư này; Kim Lân và Linh Tá lo lắng không biết Tử Trình có trung thành với vua cũ không nên phải thử lòng Tử Trình; Mẹ Kim Lân bị Tạ Ôn Đình bắt trói yêu cầu Đổng Kim Lân phải đầu hàng, mẹ Kim Lân không cho con đầu hàng, Kim Lân hẹn ba ngày xin bãi binh, hay tên Tạ Kim Hùng không đồng ý với cuộc sống cơ hàn, ngày ngày chăn trâu cắt cỏ cùng cha, cùng em gái, nên hành động bắt đầu cho những tội lỗi của hắn là đã bỏ nhà theo Triệu Văn Hoán khi tên này cướp ngôi vua và cho hắn làm đến chức đốc tướng. Khi Tạ Ngọc Lân giả đến xin ở với nó, nó đã hỏi cha nó có còn đủ sức để làm mấy việc vặt trong nhà không, nếu đủ sức thì múa vài đường quyền để nó xem gân cốt đã. Chỉ một hành động nhỏ bằng lời nói, nhưng ở đây kịch bản đã cho chúng ta thấy được sự bất nhân, bất nghĩa của Tạ Kim Hùng đối với cha mình.

Như vậy, đối với những vở Tuồng cung đình mang chủ đề quân quốc nói chung và hai vở *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* nói riêng, đặc trưng kịch bản sân khấu của nó là tác giả đã sáng tạo những hành động độc đáo của nhân vật khi đưa nhân vật đến những tình huống “ngã ba đường” như một biện pháp thường dùng để xây dựng nhân vật. Ngoài ra, các tác giả cũng có những biện pháp tạo nên những hành động độc đáo của nhân vật để khắc họa tính cách. Nói hành động độc đáo, tức là hành động của nhân vật ở đây khá đặc biệt với những người khác trong tình huống tương tự: đó là hành động của Phàn Định Công (trong Tuồng *Sơn Hậu* chém sứ thần, rồi ba lần ngã ngựa nhưng vẫn muốn về kinh thành hỏi tội Tạ Thiên Lăng khiến ông hộc máu và chết; hay hành động của Bích Hà tỳ nữ của Xuân Hương (trong Tuồng *Ngọn lửa Hồng Sơn*) tự nguyện hy sinh thay chủ mình để thế thân cho chánh cung; và còn nữa, Tạ Ngọc Lân (trong Tuồng *Ngọn lửa Hồng Sơn*) đã phải giết con trai mình vì cơ nghiệp của dòng vua cũ;... những biện pháp ấy, thường được tác giả sử dụng một cách thành thạo như một phương cách nhằm tạo ra hành động độc đáo cho nhân vật của mình trong các kịch bản Tuồng cung đình Huế nói chung, hai vở *Sơn Hậu* và *Ngọn lửa Hồng Sơn* nói riêng.

Trương Trọng Bình

(SH321/11-15)

1. *Truyền tất cả ăn chay mặc tang phục*

2. *Ngửa mặt lên trời than vắn, cúi xuống đất kêu dài*

3. Một lòng hướng phục chiếu chỉ, thấy sắc văn như cỏ cúi xuống khi gió thổi. Ý nói tôn trọng chiếu chỉ nhà vua.

4. Một nhà có nhân, cả nước hướng theo điều nhận/ Một nhà nhượng, cả nước đều nhượng.
5. Một chức quan nhỏ trong triều, không có lập trường nhưng thường chỉ biết a dua theo những lời nói của người khác.

**Tạp chí Sông Hương Online**

|  |
| --- |
| **Đề 02:** **Viết báo cáo nghiên cứu về** **ngôn ngữ Hề Chèo** |

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết báo cáo nghiên cứu về ngôn ngữ Hề Chèo** | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***Ngôn ngữ Hề Chèo** |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo yêu cầu của một văn bảo báo cáo nghiên cứu*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **Đặt vấn đề:**- Giới thiệu hề chèo- Giới thiệu mối quan hệ giữa hề chèo và nền văn học dân gian |  |
| **Giải quyết vấn đề:** **Tìm hiểu** **ngôn ngữ Hề Chèo**- Lối dùng hệ thống thành ngữ Hán Việt- Lối nhại chữ- Lối nói lái, nói ngược- Lối tách từ ghép- Lối điệp từ     - Lối dùng từ đồng âm dị nghĩa- Lối dùng các từ có nghĩa cùng một họ với nhau- Dùng câu nói với hai nghĩa song song- Cách nói xuyên tạc- Cách dùng ngoa ngữ, lộng ngữ- Lối đố đá- Lối đối chát |  |
| **Đánh giá vẻ đẹp** **ngôn ngữ Hề Chèo** |  |
| **Kết luận: Kết lại vấn đề nghiên cứu** |  |
| **Tài liệu tham khảo:** Ghi rõ họ tên tác giả, thời gian công bố, tên tài liệu, nơi công bố |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Bài báo cáo nghiên cứu tham khảo:**

**Ngôn ngữ Hề Chèo**

Giữa Hề Chèo và nền văn học dân gian có một mối quan hệ mật thiết. Ngôn ngữ Hề Chèo chính là ngôn ngữ quần chúng, là khẩu ngữ hàng ngày được nâng cao lên và trình bày theo cách cảm, cách nghĩ của người dân lao động. Hề Chèo sử dụng những câu ca dao, tục ngữ, những câu chuyện tiếu lâm như *Trạng Quỳnh*, những chuyện cổ tích, thần thoại, mà còn tiếp thu cả những bài văn, những câu thơ bác học được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Trong Chèo, sự khôi hài được thể hiện rất rõ rệt, bài hát của Hề Chèo cũng là những bài hát hay và diễn cảm... Hề Chèo đã vận dụng tất cả mọi khả năng phong phú của ngôn ngữ dân gian, lối nói vần vẻ, các lối chơi chữ, các câu nói lái... mà các nhà nghiên cứu vẫn gọi là Trò nhời.

Trong Chèo cổ, phần lớn Trò Nhời là những nhời có khả năng làm nên trò cười, đó là Trò Nhời hài hước, một hình thức quán xuyến trong Trò Nhời của Chèo. Trò Nhời hài hước ở Chèo được thể hiện muôn hình vạn trạng với tất cả sự hóm hỉnh, thông minh và rất tài năng, trong đó sử dụng ngôn ngữ hài hước với nhiều thủ pháp chơi chữ đa dạng.

**1. Lối dùng hệ thống thành ngữ Hán Việt**

Đôi khi từ sự vốn được xem là ngốc nghếch của mình, Hề dùng những từ ngữ cao siêu uyên bác giảng giải cho thầy theo cái lý của mình. Đây là một trong những thủ pháp gây cười bằng ngôn ngữ của nhân vật Hề trong Chèo cổ:

**Hề:***Vua sợ giời là do thiên năng lập quân ạ.*

*Giời sợ mây là vì vân năng âm nguyệt ạ…*

Tiếng cười toát lên ở đây từ sự nghịch thường, Hề theo hầu thầy nhưng lại hay dùng chữ để vặn lại thầy, để giảng giải cho thầy.

**2. Lối nhại chữ**

Là cách nói nhại theo vỏ âm thanh những từ gần với nó như chú Hề nhại đặt tên thành đục tên:

**Hề:** *Từ rày bác đừng gọi con là Hề nữa. Mẹ con đã nhờ ông cụ phó mộc đục cho con một cái tên.*

**Thầy:** *Đặt tên chứ ai lại gọi là đục tên bao giờ.*

**Hề:***Ấy thế mà con cứ ngỡ là đục tên cơ đấy.*

Cách nhại chữ đầy thâm ý của chú Hề đã đả kích mạnh mẽ vào thói hám danh của quan lại và các Nho sinh đương thời với tham vọng đục tên mình vào bia đá hòng lưu tiếng ngàn thu. Trong mảnh trò *Cả Sứt cậy quyền huynh*, bằng cách nhại *thế phụ* thành *thế huỵch* qua lời Cả Sứt đã vạch rõ cái gọi là *quyền huynh thế phụ*theo lễ giáo phong kiến, thực chất là sự đàn áp hành hạ của những người làm cha, làm anh đối với con em mình. Quyền huynh thế phụ thường được diễn ra bằng sự ép duyên, chửi mắng, đánh đập của những kẻ bề trên nặng óc gia trưởng đối với người bề dưới trong gia đình nên nó chỉ là *thế huỵch*mà thôi.

**3. Lối nói lái, nói ngược**

Theo PGS.TS Đinh Trọng Lạc, *lối nói lái, nói ngược là một biện pháp tu từ đặc biệt của Tiếng Việt, trong đó người ta trao đổi phụ âm đầu và phần giữa các âm tiết để tạo nên những từ có nội dung mới, bất ngờ, hiểm hóc*[7, Tr93]*.* Nói lái được sử dụng nhiều ở những vai Hề trong Chèo nhằm gây tiếng cười hài hước, châm biếm hoặc đả kích kín đáo một ai, một hiện tượng xã hội nào.

**Hề: ­***Thế tôi hỏi bác xã tiền đồ năm nay bác mấy vợ rồi?*

**Thầy:***Bác những ba vợ kia!*

**Hề:** *Người thế này mà lại vơ bạ à?...*

Trong *Lưu Bình Dương Lễ,*lính hầu ra báo cho Lưu Bình:

*- Quan truyền là quan cứa cẩm* (cấm cửa).

*- Bẩm kỹ lắm rồi nhưng ngài bảo là ngài tiêm khốc nghĩa là không tiếp nghe chưa!...*

Cách nói này gây bất ngờ trong cách tiếp nhận của người xem bởi sự giải thích thông minh, hóm hỉnh và cũng rất có lý ở những nhân vật Hề.

**4. Lối tách từ ghép**

Là lối tách từ ghép thành hai từ đơn để mỗi từ mang một nghĩa độc lập. Chẳng hạn, một anh Hề láu lỉnh khi được quan bà căn dặn:

**Bà Quan:** M*ày hầu hạ quan thì phải luôn luôn theo sát bước quan, để ý đến quan cho bà nghe chửa?*

**Hề:** *Dạ, bẩm bà, vâng lời bà dậy con xin theo quan, con xin sát quan ngay ạ!*

**5. Lối điệp từ**

*Là lặp lại có ý thức những từ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh ý, mở rộng ý, gây ấn tượng mạnh hoặc gợi ra những xúc cảm trong lòng người đọc, người nghe*[7, Tr93]. Chẳng hạn, điệp từ *Thập*được nhắc lại trong rất nhiều câu như gạn hết các nghĩa của từ qua lời anh Hề:

**Hề:***Từ nay bác gọi con là Thập!*

**Thày:** *Ơ này Thập con!*

**Hề:** *Ấy, Thập con đây là Thập mục sở thị, Thập thủ sở chỉ, nghĩa là mười mắt con trông bác, mười ngón tay con trỏ bác. Vì bác quen thói tà dâm nên con coi bác là Thập phần vô vật, chẳng còn ra cái quái gì. ấy thế mà Thập tôi ra đây lại chúc cho bàn dân hoà cốc phong đăng, cho được chữ thập phần khang khái...*

Một hình thức gần với lối điệp từ đó là biện pháp trùng lặp để gây cười cũng được dùng khá phổ biến trong Chèo cổ. Nhất là sự trùng lặp, bắt chước, nhai lại trong lời nói chứng tỏ sự không ăn khớp, không phù hợp của người nói và lời nói. Đây cũng là một biện pháp rất phổ biến trong hài kịch. Mảnh trò *Thầy Đồ dạy học,* khi thấy Tôn Trọng cứ nhắc theo lời mình như một cái máy thì Thầy đồ phải bịt mồm trò lại và bảo *Họ, họ*...

**Thầy Đồ:***Chữ Tệ là chữ Tệ*

**Tôn Trọng:** *Tệ là tệ, tệ là tệ...*

**6. Lối dùng từ đồng âm dị nghĩa**

Là dùng những từ phát âm lên nghe giống nhau nhưng lại có ý nghĩa khác nhau. Nếu như nhân vật dùng nó trong nghĩa này mà người nghe hoặc nhân vật đối diện lại hiểu nó trong nghĩa kia thì điều đó sẽ gây cười cho khán giả. Nguyên tắc gây cười này của Chèo rất gần với những nguyên tắc gây cười của hài kịch mà từ thời cổ đại cách đây hơn 2000 năm, các nhà lý luận hài kịch Hy Lạp và La Mã đã đúc kết. Sự nhầm lẫn về mặt ngôn từ, hay nói cách khác là cách dùng từ đồng âm dị nghĩa đã được sử dụng đắc địa trong nhân vật cụ Đồ điếc ở lớp *Việc làng*. Khi được thông báo là con gái Phú Ông *chửa* ra thì lão bèn nói: *Nó chửa ra thì tôi hãy về cái đã.* Và để lão khỏi nhầm lẫn, Xã trưởng phải nói cụ thể, nói nôm na, nói ví von cái việc *chửa ra*của Thị Màu với hang cá trê lúc nhúc, ai ngờ lão lại đi xa hơn trong sự nhầm lẫn của mình: *Thế thì cho mẹ mõ đi lấy mấy cái dọc mùng về nấu.*Đến đây, sự nhầm lẫn không đơn thuần là nhầm lẫn do khuyết tật cơ thể (ngoại hình) nữa, mà đã kèm theo một nguyên nhân khác, đó là sự háu ăn. Mặt khác, sự nhầm lẫn đó cũng nói lên trình độ quá thấp kém của những ông Đồ làng (phẩm chất).

Trong vở *Kim Nham*, lớp Kim Nham đi hỏi vợ, cũng với lối dùng từ đồng âm dị nghĩa, Chèo đã châm biếm khá tế nhị bệnh sính chữ của các Nho sinh:

**Kim Nham:***Đồn người đây sinh nàng thục nữ*

*Con xin sang bán tử hầu người.*

**Lão Say:***... Tôi năm nay hơn bẩy chục tuổi đầu còn thiếu gì cái chết, mà anh còn đến bán tử là anh dử cái chết cho tôi?*

**7. Lối dùng các từ có nghĩa cùng một họ với nhau**

Đây là một cách nói liên hệ những từ cùng một họ, một giống để gây cười. Trong một mảnh Hề theo ngoài tích, anh Hề nói:

**Hề:** *Bây giờ con ví mỡ một câu để bác nghe.*

**Thầy:** *Ví dầu chứ*

**Hề:** *Dầu ăn khét, mỡ xào rau ngon hơn.*

Cách nói toát lên sự liên tưởng thông minh, một cách *thức ăn hoá* rất gần với cách nghĩ giản đơn của anh Hề.

Trong vở Chèo *Kim Nham*thầy Bèo khấn:

*... Cóc chết để ngoé mồ côi.*

*Ngoé ngồi ngoé khóc than ôi chẫu chàng*

*Ễnh ương đánh vỡ nồi rang*

*Để cho chàng lại chạy sang bắt đền.*

*Chuộc, chuộc... chẳng chuộc thì thôi!*

Bài khấn trừ ma của thầy Bèo với hàng loạt những *cóc, ngoé, chẫu chàng, ễnh ương*đã khiến khán giả bật cười với sự ba hoa lừa bịp của thầy.

**8. Dùng câu nói với hai nghĩa song song**

Cách sử dụng ngôn ngữ này vừa có nghĩa nghiêm chỉnh, vừa có nghĩa hài hước châm biếm như:

**Hề:***Tao với mày thế mà có họ với nhau đấy!*

**Khoèo:** *Mày nói thế nào ấy, làm quái gì có họ! Tao có thể lấy được... vợ mày. Mày có thể lấy được... vợ tao! Thế mà bảo là có họ!*

**Hề:** *Thế này nhé! Tao hầu bác tao, mày hầu hạ cô mày, ấy thế mà tổ sư bố cô mày với Tiên nhân mẹ bác tao là anh em nối ruột đấy!*

**9. Cách nói xuyên tạc**

Cách nói này là một biện pháp dùng ngôn ngữ để gây cười mà từ thời cổ đại Aristote cũng như các lý luận gia đã tổng kết. Đó là cách nói xuyên tạc về ngữ âm, nó dẫn tới sự xuyên tạc về ngữ nghĩa. Song sự xuyên tạc này về vỏ ngữ âm không được đi quá xa nguyên tác. Ta hãy nghe thầy bói khấn:*Đeo mo vào mặt.*Từ *A di đà Phật*đến *Đeo mo vào mặt* rất gần nhau về vỏ âm thanh, nhưng lại khác xa nhau về ngữ nghĩa, khiến người nghe phải bật cười.

Xuyên tạc là cách nói rất thông dụng mà Chèo cổ gửi gắm qua ngôn ngữ những nhân vật Hề. Khi nghe thầy nói: *Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa* thì Hề hạ luôn một câu: *Quan đồn lột da, quan phủ lột da* để vạch rõ bản chất của hàng ngũ quan lại xưa.

**10. Cách dùng ngoa ngữ, lộng ngữ**

Là cách nói phóng đại, nói ngoa để cường điệu hoá sự việc gây cười. Khi Lưu Bình giận bạn tiếp mình bằng*cơm mốc, cà meo* đã bỏ về, lính hầu Dương Lễ còn đùa thêm một câu:

*- Không ăn thì thôi, cho năm tiếng mõ lấy hơi mà về, gọi là có hơi ngũ cốc.*

Trong *Kim Nham,* tiếng cười vang lên bởi sự ngoa ngoắt của Khoèo trong lớp *Mụ Quán - Thằng Khoèo:*

**Khoèo:** *Bảo mua củi thì không mua, đẵn ba bốn cây chuối về đun cháy lan ra cả vại nước. Trấu cũng không mua, xúc hai ba rổ bùn lên thổi, khói toét cả mắt.*

**11. Lối đố đá**

Phần nhiều là các nhân vật ở lớp dưới như lính canh, đầy tớ... đố đá các nhân vật ở tầng lớp trên như thư sinh, ông chủ. Lính của Dương Lễ đố Lưu Bình: *Nướng đậu phụ cho cha ăn*Lưu Bình đối là *Sắc ích mẫu cho mẹ uống* bị chú lính chê là dốt, theo chú phải đối là *Lấy mắm tôm cho mẹ chấm.*Lối đố đá còn được sử dụng trong những lúc hai Hề đố nhau tung ra những câu trả lời bất ngờ, mang lại tiếng cười sảng khoái vui vẻ như:

*- ... Hai nghệ hai bên, khuyển trên hoả dưới là cái gì?*

*-*(Vờ nghĩ, đáp không đúng rồi xin chịu)

*- Dốt thật. Thế là chữ chó thui.*

*- Tôi không biết chữ, tôi đố Nôm: “Mồm bò, không phải mồm bò mà mồm bò” là gì?*

*- Chịu.*

*- Là con ốc.*

**12. Lối đối chát**

Trong mảnh trò *Cả Sứt cậy quyền huynh,* lối đối chát giữa hai cha con Cả Sứt đã mang lại cho chiếu Chèo những tràng cười tưởng như không dứt, phản ánh rõ sự suy đồi của đạo đức phong kiến trong những gia đình thường tự mệnh danh là *thế phiệt trâm anh:*

*- Thế tôi thử hỏi ông: Ai làm tôi sứt môi?*

*- Giời làm mày sứt môi chứ còn ai nữa!*

*- Giời nào đem mai xuống xẻ môi tôi ra?*

*- Thế mày bảo ai làm mày sứt môi?*

*- Cha mẹ hiền lành để đức cho con đấy! Còn ai vào đây nữa?*

*- Mày… mày cứ như là cái bướu ấy thôi!*

*- Ông… ông cũng cứ như là cái tật ấy thôi!*

*- Có con như mày cũng bằng thừa!*

*- Tiếng có bố như ông cũng chẳng bằng thiếu!*

*- Đấy, bà con xem, nó là nó chẳng chịu kém tôi lời nào suốt cả!*

*- Ông là ông cũng chẳng có hơn được tôi lời nào suốt cả.*

*- Sứt!*

*- Sứt mẻ cái gì?*

*- Vâng dạ để đâu mà mày lại “Cái gì?” với tao hả?*

*- Ừ thì dạ! Ông... Ông cứ làm như là bố tôi ấy!*

Thực tế, Trò Nhời trong Chèo còn biến hoá rất nhiều trong nghệ thuật chơi chữ như dùng ngôn ngữ nghề nghiệp, nói lóng, đố tục giảng thanh và kết hợp câu nói với động tác để câu nói xuôi mà mang nghĩa ngược...

Như vậy, nghệ thuật Chèo đã thừa hưởng và phát triển một cách xứng đáng truyền thống sử dụng ngôn ngữ trào phúng của văn học dân tộc để hình thành ngôn ngữ của Hề chèo. Tuy nhiên, truyền thống ấy khi vào Chèo đã được Chèo hóa trong các biện pháp gây cười bằng Trò Nhời như ta đã thấy.

***TS. Phạm Việt Hà***

**Tài liệu tham khảo**

1. Anhist A. (2003), *Lý luận kịch từ Aristote đến Lessin*, Tất Thắng dịch, Nxb Văn học, Hà Nội.

2. Hà Văn Cầu:*Hề*Chèo. NXB Văn Hoá - H.1977

3. Trần Việt Ngữ: *Về nghệ thuật Chèo*. Viện Nghiên Cứu Âm Nhạc - H.1995.

4. Trần Việt Ngữ - Hoàng Kiều: *Bước đầu tìm hiểu Tiếng cười trong Chèo  cổ*. NXB Khoa Học Xã Hội - H.1967.

5. Tất Thắng: *Kịch hát dân tộc, nhận thức từ một phía*. NXB Sân Khấu - H.1993

6. Tất Thắng: *Đi tìm bản sắc dân tộc trong Chèo*. NXB Sân Khấu - H.2001.

7. Đinh Trọng Lạc: *99 phương tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt*. NXB Giáo Dục - H.1998.

8. Đỗ Bình Trị: *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*. NXB Giáo Dục - H.1999.

**BUỔI 4:**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:** **LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 5** |

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

 HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

 HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

 **+** HS thực hiện nhiệm vụ.

 + GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu Kịch bản tuồng, chèo. (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,** **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu Kịch bản tuồng, chèo. (Ngoài SGK) | **Nhận biết** - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.- Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.- Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện của tuồng, chèo.**Thông hiểu**- Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo. - Lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong tuồng, chèo.- Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.**Vận dụng**- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng, chèo gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.**Vận dụng cao:**- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 3TN | 4TN1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:****-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.**Thông hiểu:**- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.**Vận dụng**:- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.**Vận dụng cao**:- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI 01**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**​Nhân vật hề chèo trong nghệ thuật chèo truyền thống**

Chèo xuất hiện từ đời nhà Lý (khoảng thế kỷ XI), phát triển rực rỡ ở đời nhà Trần (thế kỷ XIII), nghệ thuật sân khấu chèo là một trong những di sản văn hóa lớn của kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam.

Chèo gắn bó mật thiết với người dân ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ, chèo miêu tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm và được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc.

Những ngày lễ tết, những dịp hội hè, đình đám, gánh hát, phường chèo đi hết làng nọ sang làng kia, xã này, tổng khác, phục vụ nông dân lao động trên một vuông chiếu trải giữa sân đình.

Chèo chắt lọc, phát triển tính hài hước từ những chuyện tiếu lâm dân gian, thông qua các vai hề mang đến cho khán giả niềm lạc quan, yêu đời, tiếng cười sảng khoái.

Ban đầu, hề chèo chỉ mua vui đơn thuần cho khán giả. Cho đến thời Lê Mạt, hề chèo đã trở thành vũ khí đấu tranh giai cấp giữa giai cấp nông dân cùng khổ với giai cấp thống trị, bóc lột. Dần dần, hề chèo trở thành nhân vật có tính cách, mỗi khi xuất hiện, bề ngoài hề gây cười cho khán giả nhưng đằng sau lại hàm chứa bao ẩn ý sâu sắc.

Hề chèo là một trong ngũ cung của bảng nhân vật quan thiết gồm năm mô hình cơ bản, làm nền sống động cho thế giới nhân vật chèo: đào, kép, lão, mụ, hề. Một phường chèo có giá trị của bất kỳ làng chèo nào ngày xưa, ít nhất cũng phải có ba diễn viên sáng giá nhất: một đào, một kép và một hề…

Nhân vật hề chèo thường được chia làm hai loại hề: hề áo ngắn và hề áo dài. Hề áo ngắn gồm có hề Gậy và hề Mồi. Hề Gậy thường là các anh chàng hề đồng lóc cóc chạy theo hầu thầy trên đường thiên lý, khi ra sân khấu do thường mang theo gậy đường trường hoặc cây đòn gánh, nên gọi nôm na là hề Gậy. Hề Mồi là những nhân vật hầu hạ sai vặt, điếu đóm trong nhà hoặc lính canh, lính hầu nơi quan phủ, tư dinh… Nhân vật này ra sân khấu thường mang theo chiếc mồi quấn bằng giẻ tẩm mỡ, tẩm dầu đốt sáng như đuốc. Bó đuốc này còn tượng trưng cho bó đuốc dùng chiếu sáng canh phòng, dinh thự… Do thân phận hầu hạ, hề Mồi hay ra trước dọn dẹp cung đình, đón quan đủng đỉnh ra sau, nên có thể gọi là những anh hề dọn lớp hoặc dọn dẹp đám.

Loại thứ hai của hề chèo là hề áo dài (còn gọi là hề tính cách). Những nhân vật này thường hả hê vui sướng tự giễu cợt mình, tự lột mặt nạ bản thân và tự đẩy mình vào tình huống lố bịch. Loại hề này cười cợt trên sân khấu chèo sân đình với đủ mọi giọng điệu phong phú: giễu vui, đả kích, đùa bỡn, trêu chọc, nghịch ngợm… với mục đích tự bôi bác mình.

Trong chèo không thể thiếu hề, điều đó đã được khẳng định qua nhiều vở chèo truyền thống. Nhiều nhà nghiên cứu còn cho rằng hề là một di sản phi vật thể trong chèo truyền thống - “phi Hề bất thành Chèo”. Nghệ thuật tung hứng của các anh hề trong tích chèo đã không chỉ mang lại tiếng cười cho người xem mà nó còn chứa đựng, chuyển tải cả những tinh thần, tư tưởng khác của vở diễn, mà những tư tưởng đó nhiều khi còn có ý nghĩa lớn hơn một tiếng cười.

(Nguồn: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - https://tuoitre.vn)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Thời gian ra đời và phát triển của chèo?

A. Chèo xuất hiện từ đời nhà Lý (khoảng thế kỷ XI), phát triển rực rỡ ở đời nhà Trần (thế kỷ XIII)

B. Chèo xuất hiện từ đời nhà Trần (khoảng thế kỷ XIII), phát triển rực rỡ ở đời nhà Lê (thế kỷ XV)

C. Chèo xuất hiện từ đời nhà Lê (khoảng thế kỷ XV), phát triển rực rỡ ở đời nhà Nguyễn (thế kỷ XVIII)

D. Chèo xuất hiện từ đời nhà Lý (khoảng thế kỷ XI), phát triển rực rỡ ở đời nhà Lê (thế kỷ XV)

**Câu 2.** Tác dụng của những vai hề chèo?

A. Các vai hề mang đến cho khán giả niềm lạc quan, yêu đời, tiếng cười sảng khoái; là vũ khí đấu tranh giai cấp giữa giai cấp nông dân cùng khổ với giai cấp thống trị, bóc lột.

B. Các vai hề đã thể hiện sự đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác trong xã hội xưa

C. Các vai hề đã gợi dậy ở khán giả thái độ tự trào, tự giễu cợt thói hư, tật xấu của chính bản thân mình

D. Các vai hề là ẩn dụ cho một lớp người hèn kém trong xã hội xưa

**Câu 3.** Kể tên các loại hề chèo

A. Hề áo ngắn và hề áo dài

B. Hề áo the và hề áo thụng

C. Hề áo trùng và hề áo cộc

D. Hề áo thâm và hề áo xanh

**Câu 4.** Anh/chị phán đoán về cách thức tạo tiếng cười của 2 loại hề chèo trên

A. Hề áo ngắn thường trào lộng bằng cách mỉa mai thói hư tật xấu của tầng lớp thống trị, hề áo dài thường gợi lên tiếng cười tự trào

B. Hề áo ngắn thường trào lộng bằng hành động, hề áo dài thường gợi lên tiếng cười bằng tính cách

C. Hề áo ngắn thường trào lộng bằng trang phục và tạo hình, hề áo dài thường gợi lên tiếng cười bằng lời nói, cử chỉ

D. Hề áo ngắn thường trào lộng bằng cách diễn những cảnh sinh hoạt đời thường, hề áo dài thường gợi lên tiếng cười bằng cách kể những tích truyện hài hước, dí dỏm

**Câu 5.** Chỉ ra năm mô hình cơ bản trong thế giới nhân vật chèo:

A. Năm mô hình cơ bản, làm nền sống động cho thế giới nhân vật chèo: đào, kép, lão, mụ, hề

B. Năm mô hình cơ bản, làm nền sống động cho thế giới nhân vật chèo: ngư, tiều, canh, mục, hề

C. Năm mô hình cơ bản, làm nền sống động cho thế giới nhân vật chèo: quan, dân, thầy đồ, học trò, hề

D. Năm mô hình cơ bản, làm nền sống động cho thế giới nhân vật chèo: đào, liễu, lão, mụ, hề

**Câu 6.** Tại sao nhân vật hề chèo thường là các anh chàng hề đồng lóc cóc chạy theo hầu thầy trên đường thiên lý hoặc những nhân vật hầu hạ sai vặt, điếu đóm trong nhà hoặc lính canh, lính hầu nơi quan phủ, tư dinh,…

A. Họ không đủ học vấn để được xây dựng thành những vai chính nên chỉ có thể là vai hề

B. Họ gần gũi với tầng lớp thống trị nên thấu hiểu sâu sắc những thói hư tật xấu của chủ, của chính mình, họ dễ dàng bóc mẽ chủ và cũng dễ dàng bộc lộ thói xấu của bản thân rồi từ đó mà gây trào lộng

C. Họ là lớp người bình dân nên có thể nói năng vô tư, thoải mái để gây cười

D. Họ xuất hiện để tạo nên tính chân thật cho tác phẩm chèo

**Câu 7.** Nhận xét vị trí xã hội của những nhân vật hề trong chèo

A. Họ đều là những con người có vị trí thấp kém

B. Họ thuộc tầng lớp thượng lưu trong xã hội xưa

C. Họ đều là những cận thần thân tín của quan lại

D. Họ là những vị quan trong xã hội cũ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Tại sao tác giả bài viết lại cho rằng“phi Hề bất thành Chèo”?

**Câu 9.** Anh (chị) đã bắt gặp trong vở chèo nào nhân vật hề chèo chứa những tư tưởng mà ở đó có ý nghĩa lớn hơn một tiếng cười?

**Câu 10.** Theo anh (chị) nhân vật hề chèo có còn xuất hiện trong hề chèo hiện đại?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Từ văn bản đọc hiểu trên, anh (chị) viết bài văn trình bày suy nghĩ về ý kiến: Đôi khi trong cuộc sống ta cũng phải đóng vai hề.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | Hề chèo là hình ảnh đặc trưng của sân khấu chèo, đem lại cho chèo sự hài hước, cuốn hút, sinh động*Hướng dẫn chấm:**- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm**- Trả lời sơ sài hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm* | 0,5 |
| **9** | * Quan Âm Thị Kính: Thói hư tật xấu của chức sắc trong làng; sự thối nát của chế độ phong kiến; nỗi thống khổ của những người dân thấp cổ, bé họng
* Chu Mãi Thần: Ẩn sau tiếng cười tự trào của vai hề Gậy còn là nỗi vất vả gian truân của người học trò nghèo trên con đường kiếm tìm công danh, sự nghiệp

***Hướng dẫn chấm****:* *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm**- Trả lời 1 vở chèo theo yêu cầu: 0,5 điểm**- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm* | 1,0 |
| **10** | Nhân vật hề chèo vẫn có thể xuất hiện trong sân khấu chèo hiện đại, tuy nhiên phải phù hợp với thị hiếu của con người trong thời đại hiện nay về tạo hình, về lời thoại, về bối cảnh về mục đích xuất hiện***Hướng dẫn chấm:****- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm**- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm**- Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | **Trình bày suy nghĩ về ý kiến: Đôi khi trong cuộc sống ta cũng phải đóng vai hề.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***Đôi khi trong cuộc sống ta cũng phải đóng vai hề** | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| HS thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình | 0,25 |
| **- Đồng tình, lí giải thuyết phục:**+ Đóng vai hề để đem lại tiếng cười lạc quan cho mọi người+ Đóng vai hề để có thể lên tiếng phê phán cái xấu, cái ác dễ dàng và tự nhiên nhất**- Không đồng tình lí giải thuyết phục:**+ Cuộc sống ngắn ngủi, ta hãy sống trọn vẹn là mình, đừng bao giờ đóng vai+ Có nhiều cách để ta có thể phơi bày cái xấu xa, không nhất thiết phải đóng vai hề**- Bàn luận:**Để cuộc sống muôn sắc, muôn màu, ta không nên quá cứng nhắc khuôn mẫu, cũng không cần phải gồng mình là một ai khác, đôi khi có thể là chú hề để đùa vui cho đời thêm tươi, có lúc ta lại là một ‘thanh niên nghiêm túc” *Hướng dẫn chấm:**- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,75 điểm – 2,0 điểm.**- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,25 điểm - 1,5 điểm.**- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.*  | 2,0 |
| Bài học nhận thức và hành động của bản thân. | 0,25 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.**- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.**- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |

**ĐỀ BÀI 02 (THAM KHẢO)**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Tóm tắt phần trước**: *Sau 18 năm vâng mệnh vua cầm quân ra trận đánh dẹp quân Xiêm, Trương Viên trở về được phong Tể tướng. Thấy Tể tướng buồn, lính hầu đã mời hai mẹ con bà lão hát xẩm vào dinh hát mua vui cho chủ mình.*

**Trương Viên**: – Con ra bảo bà ấy có sự tình, tình sự gì thì hát cho ông tôi nghe.

**Mụ**: – Tôi chỉ biết sự tình nhà tôi thôi.

**Lính hầu**: – Ừ bà cứ hát sự tình nhà bà.

**Thị Phương**: (*Hát trần tình*) – Trương Viên, Trương Viên,

 Người chồng tôi tên gọi Trương Viên…

**Lính hầu**: – Họ…! Thong thả đã. Nhập gia phải vấn húy[[1]](#footnote-2). Trương Viên là tên quan lớn, phải hát là Trương Băm, Trương Bằm…

**Trương Viên**: – Thiên hạ trùng danh, trùng họ cũng nhiều. Cứ để cho người ta hát.

**Thị Phương** (*Hát tiếp*) – Người chồng tôi tên gọi Trương Viên

 Vua sai dẹp giặc nước Xiêm khơi chừng

 Bởi vì đâu chếch nón ả Hằng

Thờ chồng chực tiết khăng khăng chẳng rời

Bởi vì đâu binh lửa bời bời

Miền xa quê quán, ngụ nơi lâm tuyền[[2]](#footnote-3)

Một mình tôi nuôi mẹ truân chuyên

Quyết liều phận bạc chẳng dám quên ngãi chàng

Gặp những loài ác thú hổ lang

Người rắp làm hại, khấn kêu vang lại lành

Trở ra về qua miếu thần linh

Thần đòi khoét mắt lòng thành tôi kính dâng

Vậy nên mù mịt tối tăm

Nàng tiên dạy hát, kiếm ăn qua tháng ngày

Sự tình này trời đất có thấu hay

Chàng Trương Viên có biết nông nỗi này cho chăng?

**Trương Viên**: – Nghe tiếng đàn cùng tiếng hát

 Chuyển động tâm thần

 Đường từ mẫu[[3]](#footnote-4) có biết chăng, hỡi mẹ?

**Thị Phương**: (*Nói sử*) – Tiền ông thưởng tôi còn để đó.

Tôi chẳng hề tiêu đụng một phân

 Xin ông đừng nói chuyện tần ngần

 Mà tôi mang tiếng không thanh danh tiết

**Trương Viên**: – Tưởng là nhận vợ, vợ lại chẳng nhìn

 Đường từ mẫu có biết chăng hỡi mẹ

**Thị Phương**: (*Nói sử*) – Thực chồng con đã tỏ

 Hình dạng như in

 Nào có khi phu phụ[[4]](#footnote-5) hợp hôn

 Những của ấy đem ra nhận tích.

**Mụ**: – Ơi này con, vợ con nói: ngày xưa quan Thừa tướng có cho cái gì làm ghi tích không, con đưa cho vợ nó xem để nó nhận.

**Trương Viên**: – Anh khá khen em mười tám năm nay chẳng có đơn sai

 Lòng thương em nhớ mẹ ngậm ngùi

 Đây, ngọc kim quyết đem em nhận tích.

(*Thị Phương cầm ngọc, ngọc nhảy lên mắt, mắt sáng trở lại*)

**Thị Phương**: – Quả lòng trời đưa lại

 Ngọc nhảy vào, mắt lại phong quang

 Mẹ ơi giờ con trông được rõ ràng

 Chồng con đây đã tỏ

**Mụ**: – Mẹ mừng con đã yên lành như cũ

 Lại thêm mẫu tử[[5]](#footnote-6) đoàn viên

 Trời có đâu nỡ phụ người hiền

 Thế mới biết bĩ rồi lại thái[[6]](#footnote-7)

**Trương Viên**: – Trăm lạy mẹ

 Con vâng mệnh trên dẹp giặc đã yên

 Mười tám năm binh mạnh tướng bền

 Giờ được chức làm quan Thái tể

 Trời xui nên mẹ con gặp gỡ

 Mời mẹ về cho tới gia trang

 Khi đó sẽ hồi quỳnh khánh hạ

 (*Hát vãn trò*) Tạo hóa xoay vần

 Hết cơn bĩ cực đến tuần thái lai

 Giời chung, giời chẳng riêng ai

 Vun trồng cây đức ắt dài nền nhân

 Hễ ai có phúc có phần

 Giàu nghèo có số, gian truân bởi trời

Phương ngôn dạy đủ mọi nhời.

 (*Trương Viên*, in trong cuốn *Tuyển tập Chèo cổ*,

 NXB Sân khấu, Hà Nội, 1999, tr. 158 – 162)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Những lời chỉ dẫn (in nghiêng, đặt trong ngoặc đơn) ở văn bản có chức năng gì?

1. Để người đọc phân biệt được lời của từng nhân vật trong đoạn
2. Để người đọc biết lai lịch các nhân vật trong tích Chèo
3. Để người đọc biết nội tâm của các nhân vật trong tích Chèo

D. Để nói về sự việc hoặc chỉ dẫn về điệu hát mà nhân vật sử dụng

**Câu 2**. Căn cứ vào nội dung, có thể nhận biết đoạn trích thuộc phần nào của tích Chèo *Trương Viên*?

1. Thuộc phần mở đầu của tác phẩm
2. Thuộc phần giới thiệu tác phẩm
3. Thuộc phần kết của tác phẩm

 D. Thuộc phần triển khai của tác phẩm

**Câu 3**. Trong tích Chèo *Trương Viên*, đoạn trích này có chức năng nghệ thuật gì?

1. Đẩy tích Chèo đến cao trào để kết thúc
2. Giới thiệu về các nhân vật của tích Chèo
3. Giới thiệu về các sự việc diễn ra ở tích Chèo
4. Bình luận về các nhân vật và sự việc đã diễn ra

**Câu 4**. Lời của nhân vật nào trong đoạn trích đã tóm lược câu chuyện của một gia đình, tạo tiền đề để các nhân vật nhận ra nhau?

1. Nhân vật lính hầu
2. Nhân vật Trương Viên
3. Nhân vật mụ (mẹ chồng Thị Phương)

D. Nhân vật Thị Phương

**Câu 5**. Vật nào có tác dụng giúp vợ chồng Trương Viên – Thị Phương khẳng định chắc chắn họ là vợ chồng của nhau?

1. Viên ngọc Trương Viên giữ trong người khi chia tay mẹ và vợ để ra trận
2. Những đồ dùng Trương Viên mang theo mình khi rời nhà ra trận
3. Cây đàn của Thị Phương dùng để hát xẩm kiếm sống qua ngày

 D. Cây gậy mà bà mẹ dùng để dắt díu con dâu đi hát xẩm kiếm ăn

**Câu 6**. Cách kết của tích chèo *Trương Viên* có màu sắc kiểu kết thúc của thể loại văn học nào?

1. Cái kết đầy chết chóc bi thương kiểu bi kịch
2. Kết thúc có hậu “ở hiền gặp lành” theo kiểu cổ tích
3. Kiểu kết thúc mở, gợi nhiều ý nghĩa của truyện hiện đại

D. Kết thúc vui vẻ, đầy tính chất hài hước kiểu hài kịch

**Câu 7.** Văn bản được tổ chức theo hình thức nào?

1. Các nhân vật đối đáp với nhau, lời người nọ tiếp sau lời người kia. Thỉnh thoảng có lời chỉ dẫn nói rõ điệu hát mà nhân vật thể hiện hoặc nói về sự việc cụ thể nào đó.
2. Các nhân vật đối đáp với nhau

C. Các nhân vật đối đáp với nhau, lời người nọ tiếp sau lời người kia.

 D. Các nhân vật đối đáp với nhau thể hiện hoặc nói về sự việc cụ thể nào đó.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Những yếu yếu tố, chi tiết nào trong đoạn trích được sắp xếp một cách có dụng ý để chuẩn bị cho cái kết của tích Chèo *Trương Viên*?

**Câu 9**. Sức hấp dẫn của đoạn trích thể hiện ở những yếu tố nào?

**Câu 10**. Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về thông điệp toát ra từ đoạn trích tích chèo *Trương Viên* ở trên?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Hãy viết một văn bản nghị luận bàn về đạo đức của con người trong đời sống gia đình.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | Những yếu tố và chi tiết được sắp xếp có dụng ý để chuẩn bị cho cái kết đoàn viên của gia đình Trương Viên:– Trương Viên muốn nghe hát giải sầu, tình cờ lính hầu gọi mẹ con người hát xẩm (vốn là mẹ và vợ của Trương Viên) vào dinh để hát.– Lời hát của Thị Phương kể tóm lược câu chuyện của chính gia đình mình.– Viên ngọc mà Trương Viên mang từ lúc chia tay mẹ và vợ để ra trận.*Hướng dẫn chấm:**- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm**- Trả lời được 1 chi tiết: 0,25 điểm* | 0,5 |
| **9** | Sức hấp dẫn của đoạn trích thể hiện ở một số yếu tố:– Sự việc diễn ra có vẻ tình cờ, nhưng là kết quả của sự sắp xếp kín đáo. – Sự xen kẽ những lời thoại hài hước.– Bài học đạo lí được rút ra từ phẩm chất và cách ứng xử của các nhân vật.***Hướng dẫn chấm****:* *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm**- Trả lời 2 ý theo yêu cầu: 0,75 điểm**- Trả lời 1 ý theo yêu cầu: 0,5 điểm**- Trả lời được 1 phần của ý 1, ý 2 hoặc ý 3 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 1,0 |
| **10** | Những suy nghĩ về thông điệp toát ra từ đoạn trích:– Đạo hiếu của người con đối với mẹ, tình cảm của người mẹ đối với con và đối với con dâu là những tình cảm tốt đẹp, thiêng liêng trong đời sống gia đình.– Tình cảm vợ chồng thủy chung, son sắt luôn luôn là yếu tố quyết định hạnh phúc gia đình.– Sức mạnh của niềm tin vào sự tốt đẹp của cái thiện lành là yếu tố giúp con người vượt qua muôn vàn thử thách để đi đến bến bờ hạnh phúc.***Hướng dẫn chấm:****- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm**- Trả lời 2 ý theo yêu cầu: 0,75 điểm**- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm**- Trả lời được 1 phần của ý 1, ý 2 hoặc ý 3 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | **Viết một văn bản nghị luận bàn về đạo đức của con người trong đời sống gia đình.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***Vấn đề đạo đức của con người thể hiện ở các mối quan hệ trong gia đình** | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:- Đạo đức vốn là yếu tố có tính chất nền tảng trong đời sống tinh thần của con người. Đạo đức của con người thể hiện trong các phạm vi của đời sống, trước hết là đời sống gia đình.- Trong đời sống gia đình, đạo đức của mỗi người thể hiện ở các mối quan hệ (cha - con, mẹ - con, vợ - chồng, anh/chị - em…), ở vị thế và bổn phận của cá thể đối với thành viên khác trong gia đình.- Dù theo từng thời kì, xã hội có những thay đổi, nhưng đạo đức của con người trong đời sống gia đình vẫn rất bền vững, nhiều yếu tố tốt đẹp cần được giữ gìn, phát huy.- Bài học nhận thức và hành động của bản thân.*Hướng dẫn chấm:**- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm – 2,5 điểm.**- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,25 điểm - 1,75 điểm.**- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.*  |  |
| 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.**- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.**- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

1. *Vấn húy*: hỏi tên, ở đây là phải hỏi để biết tên chủ nhà. [↑](#footnote-ref-2)
2. *Lâm tuyền*: rừng suối, chỉ nơi xa xôi hẻo lánh. [↑](#footnote-ref-3)
3. *Từ mẫu*: mẹ hiền. [↑](#footnote-ref-4)
4. *Phu phụ*: chồng vợ. [↑](#footnote-ref-5)
5. *Mẫu tử*: mẹ con. [↑](#footnote-ref-6)
6. *Bĩ rồi lại thái*: hết bế tắc đến lúc tốt đẹp. [↑](#footnote-ref-7)